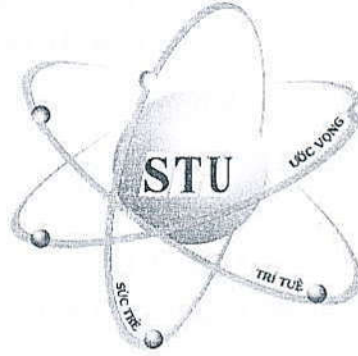


SIGON
TECHNOLOGY
UNIVERSITY

STU BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN



Quy chế

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TẠP CHÍ KHOA HỌC & ĐÀO TẠO**

TP. Hồ Chí Minh
Tháng 11/2013

Số: 188/QĐ-DSG-QLKH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động

Tạp chí Khoa học & Đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Luật Báo Chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo Chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 quy định chi tiết thi hành luật báo chí, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật báo chí;

Căn cứ Luật Xuất Bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 1246/GP-BTTTT ngày 5 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin & Truyền thông về việc cấp phép hoạt động Tạp chí Khoa học & Đào tạo (STU);

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg, ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học DL Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg, ngày 16/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học DL Kỹ nghệ Tp. Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-BGDĐT, ngày 30/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Quản trị trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Khoa học và Đối ngoại.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức và Hoạt động Tạp chí khoa học & đào tạo;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với quy chế này bị bãi bỏ;

Điều 3. Các ông, bà trong ban biên tập, ban cố vấn, ban thư ký và trị sự của tạp chí, các trường khoa, phòng, ban, trung tâm và các cán bộ, giảng viên trong Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo);
- TT. HĐQT (để báo cáo);
- BGH (để biết);
- Các đơn vị trong trường (để biết, phối hợp thực hiện);
- Lưu P. QLKH, P.HCQT



QUY CHẾ
VỀ HOẠT ĐỘNG TẠP CHÍ KHOA HỌC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 188/QĐ-DSG-QLKH ngày 28/11/2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các thành viên của Ban biên tập, các phản biện và các tác giả công bố kết quả nghiên cứu hoặc chuyển tải các thông tin khoa học trên Tạp chí Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
2. Đối tượng phục vụ là các nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên, cán bộ quản lý, những người sản xuất kinh doanh và bạn đọc quan tâm.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Công bố, giới thiệu các công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giảng dạy, đào tạo, khoa học công nghệ; thông tin các kết quả nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước nhằm phục vụ cho công tác đào tạo của Nhà trường; tuyên truyền, phổ biến đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ.
2. Đăng tải các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường nhằm góp phần phát triển và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học phục vụ mục tiêu đào tạo, nghiên cứu, triển khai ứng dụng thực tế và chuyển giao công nghệ.
3. Trao đổi thông tin khoa học công nghệ và làm cầu nối giữa khoa học và thực tiễn trong cộng đồng các nhà giáo, nhà khoa học, quản lý và doanh nghiệp trong và ngoài nước.
4. Góp phần thiết thực trong việc xây dựng thương hiệu và uy tín của Nhà trường trong lĩnh vực nghiên cứu, giáo dục trong và ngoài nước.
5. Các Thông tin khoa học đăng trong Tạp chí Khoa học và Đào tạo bao gồm:



- a) *Bài báo nghiên cứu*: Trình bày những kết quả nghiên cứu mới (*nghiên cứu gốc*) có chất lượng khoa học, hay đề xuất một phương pháp mới, ý tưởng mới, một giải pháp mới.
- b) *Thông tin ngắn*: là bài công bố những kết quả nghiên cứu nhưng chưa đủ để cấu thành bài hoàn chỉnh.
- c) *Bài tổng hợp*: là bài viết được tổng hợp từ các nguồn tư liệu thứ cấp (*chủ yếu các bài báo nghiên cứu đăng tải trong các tạp chí khoa học/ hàn lâm*) về một chủ đề cụ thể.
- d) *Thư gửi tòa soạn*: là bài viết ngắn đăng ý kiến của bạn đọc thảo luận về vấn đề khoa học, công nghệ và đào tạo.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở, định kỳ xuất bản và phát hành

1. Tên gọi, trụ sở:
 - *Tên tiếng Việt*: Tạp chí Khoa học và Đào tạo.
 - *Tên tiếng Anh*: Journal of Science and Education.
 - *Trụ sở tòa soạn*: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
 - *Điện thoại*: 08 38 505 520. Email: tapchikhdt@stu.edu.vn
 - *Website*: www.stu.edu.vn
2. Thể thức xuất bản:
 - *Ngôn ngữ thể hiện*: tiếng Việt và tiếng Anh.
 - *Kỳ hạn xuất bản*: 1 năm / kỳ và tiến tới 3 tháng/ 1 kỳ
 - *Khuôn khổ*: 20cm x 28,5cm;
Số trang: ~250 trang;
Số lượng: 500 bản/kỳ.
 - *Nơi in*: Thành phố Hồ Chí Minh
3. Tạp chí xuất bản 1 số mỗi năm, thời gian xuất bản vào khoảng tháng 11; tiến tới xuất bản 4 số mỗi năm, thời gian xuất bản mỗi số vào khoảng tháng 2, tháng 5, tháng 8, và tháng 11 hàng năm. Mỗi số định kỳ đăng tải 18 - 28 bài báo.
4. Các số đặc biệt phải được đăng ký trước và được Ban biên tập thông qua và đưa vào kế hoạch xuất bản hàng năm. Số đặc biệt được xuất bản thay cho số định kỳ phát hành nếu được phê duyệt. Trong một số trường hợp, nếu hội nghị hội thảo có nguồn kinh phí (*thẩm định và xuất bản*) thì có thể được xem xét xuất bản số đặc biệt riêng không tính trong kỳ xuất bản.
5. Nộp lưu chiếu và phát hành
 - a) *Nộp lưu chiếu* tại Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh, Cục báo chí – Bộ Thông tin và Truyền thông, Thư viện Trường;

b) *Gởi đến các Sở Khoa học & Công nghệ các tỉnh thành khu vực phía Nam; Các trường, viện có quan hệ với Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;*

b) *Phạm vi phát hành trong cả nước;*

c) *Đăng toàn văn các bài báo trên website của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.*

Điều 4. Nội dung xuất bản

Tạp chí công bố các công trình nghiên cứu thuộc các lĩnh vực Khoa học công nghệ, Khoa học quản lý về đào tạo, Điện tử, Viễn thông, Điện công nghiệp, Tự động hóa, Cơ khí chế tạo, Cơ điện tử, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật công trình, Xây dựng, Công nghệ thực phẩm, An toàn vệ sinh thực phẩm, Mỹ thuật công nghiệp, Thiết kế, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Khoa học cơ bản và các lĩnh vực liên quan. Đồng thời, đăng các bài viết đóng góp ý kiến, kiến nghị nhằm xây dựng và phát triển toàn diện Nhà trường.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

Tạp chí hoạt động theo quy định của Luật Báo chí, tuân thủ các quy định Hội nhà báo Việt Nam và quy định của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Các thành viên của Ban biên tập, nhân viên chịu trách nhiệm về kết quả công việc theo sự phân công, bố trí công tác và làm việc tuân thủ theo quy định chung của Trường.

CHƯƠNG II TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 6. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Tạp chí gồm:

- Tổng biên tập;
- Phó tổng biên tập;
- Ban cố vấn;
- Ban biên tập;
- Ban thư ký và trị sự;

Điều 7. Tổng biên tập

1. *Bổ nhiệm, miễn nhiệm:* dựa trên nhu cầu và năng lực cán bộ, Hiệu trưởng trình Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng biên tập; Hiệu trưởng gửi văn bản xin ý kiến Bộ Thông tin - Truyền thông và Ban tuyên giáo Trung ương. Sau khi có sự thống nhất ý kiến bằng văn bản của Bộ Thông tin - Truyền thông và Ban tuyên giáo Trung ương, Hiệu trưởng ra quyết định bổ

nhiệm, miễn nhiệm.

2. Nhiệm vụ:

- Thực hiện việc lãnh đạo, điều hành và quản lý Tạp chí về mọi mặt, đảm bảo thực hiện tôn chỉ, mục đích của Tạp chí; Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và pháp luật hoạt động của Tạp chí;
- Chịu trách nhiệm xuất bản các ấn phẩm của tạp chí theo quy định của Luật Báo chí, Luật Xuất bản và chỉ đạo của Hiệu trưởng. Tổng biên tập duyệt người phản biện và là người duyệt cuối cùng các ấn phẩm tạp chí trước khi in và quyết định nộp lưu chiểu, phát hành;
- Lập kế hoạch trình Hiệu trưởng toàn bộ nội dung và hình thức của các số tạp chí;
- Ủy quyền, phân công trách nhiệm quản lý, điều hành và quyết định giải quyết từng mặt công việc cho Phó tổng biên tập, biên tập viên trong tòa soạn.

Điều 8. Phó tổng biên tập

1. *Bổ nhiệm, miễn nhiệm:* dựa trên nhu cầu và năng lực cán bộ, Tổng biên tập trình Hiệu trưởng đề nghị bổ nhiệm, bãi nhiệm Phó tổng biên tập; Hiệu trưởng xem xét và trình Thường trực Hội đồng quản trị thông qua; Hiệu trưởng gửi văn bản xin ý kiến Bộ Thông tin - Truyền thông và Ban tuyên giáo Trung ương. Sau khi có sự thống nhất ý kiến bằng văn bản của Bộ Thông tin - Truyền thông và Ban tuyên giáo Trung ương, Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó tổng biên tập.

2. Nhiệm vụ:

- Giúp Tổng biên tập điều hành, quyết định các công việc được Tổng biên tập phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Tổng biên tập về các quyết định của mình;
- Nghiên cứu, đề xuất nội dung xuất bản, cải tiến nghiệp vụ báo chí nhằm nâng cao chất lượng tạp chí. Duyệt và bàn giao cho tổ thư ký tòa soạn đủ số lượng, chất lượng, đúng thời gian các bài báo theo mục lục số Tạp chí đã được Tổng biên tập duyệt; tổ chức thực hiện những đợt xuất bản theo chỉ đạo của Tổng biên tập.

Điều 9. Ban cố vấn

Ban cố vấn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập bao gồm Trưởng ban và các Ủy viên;

Các thành viên trong Ban cố vấn là những nhà khoa học, quản lý tiêu biểu, có uy tín trong và ngoài trường.

Nhiệm vụ Ban cố vấn:

- Cố vấn cho Tổng biên tập tất cả những vấn đề liên quan đến Tạp chí để đưa tạp chí ngày càng phát triển, chất lượng thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích đã đề ra.

Điều 10. Ban biên tập

1. *Thành lập*: các biên tập viên là thành viên trong Ban biên tập do Tổng biên tập đề xuất, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Tiêu chí lựa chọn là những nhà khoa học, quản lý tiêu biểu, uy tín trong và ngoài trường.
2. *Nhiệm vụ*: Ban biên tập có trách nhiệm tư vấn cho Tổng biên tập về các vấn đề thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tạp chí, cụ thể là:
 - a) Lập kế hoạch hoạt động, đề xuất nội dung và hình thức các kỳ Tạp chí;
 - b) Đánh giá sơ bộ về nội dung, chất lượng và hình thức trình bày bài viết để giúp Tổng biên tập quyết định quy trình xử lý bài viết, đồng thời xem xét có ý kiến về nội dung bài viết;
 - c) Thẩm định lần cuối, đề nghị bài chọn đăng cho từng số tạp chí và tổ chức biên tập sau khi Tổng biên tập duyệt đăng;
 - d) Tổng biên tập phân công các biên tập viên đề xuất người đánh giá, phân biện phù hợp với từng báo cáo, theo dõi quá trình sửa chữa của tác giả, biên tập các bài gửi đăng và chịu trách nhiệm về nội dung mà mình phụ trách;
 - e) Biên tập viên bản thảo, biên tập viên trình bày là người chế bản và soát lỗi các bài được chấp nhận đăng trên tạp chí, chịu trách nhiệm về thể thức trình bày của các bài viết. Biên tập viên bản thảo sửa các bài nộp làm cho các bài viết mạch lạc hơn và chuẩn hơn về ngữ pháp, đảm bảo bài viết đã đầy đủ và tuân thủ các qui định chuẩn về thư mục, văn bản, tạo ra một bản thảo "sạch" để biên tập viên trình bày chuyển thành các bản dùng cho việc xuất bản tạp chí và chuyển thành định dạng để xuất bản điện tử.
 - f) Ban biên tập định kỳ họp mỗi quý một lần trong năm.

Điều 11. Ban thư ký và trị sự

1. *Thành lập*: Ban thư ký và trị sự do Tổng biên tập đề xuất, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.
2. *Nhiệm vụ*: Ban thư ký và trị sự có chức năng, nhiệm vụ của tạp chí, cụ thể là:
 - a) Quản lý nghiệp vụ của tòa soạn:
 - Tham mưu lập kế hoạch xuất bản, đề xuất nội dung và hình thức các kỳ Tạp chí và định hướng nội dung các kỳ tiếp theo trình Tổng biên tập quyết định;

- Gởi bài và yêu cầu phản biện theo ý kiến của Tổng biên tập;
 - Theo dõi quá trình phản biện, trả lời cho các tác giả về việc bài viết có được sử dụng hay không và dự kiến thời gian sử dụng cũng như các yêu cầu khác sau khi nhận kết quả thẩm định của Ban biên tập về chất lượng bài viết;
 - Thực hiện chức năng liên lạc giữa tác giả, người đánh giá phản biện, Ban biên tập và Lãnh đạo tạp chí;
 - Sắp xếp nội dung và yêu cầu của từng trang theo mục lục tạp chí đã lập. Xử lý những trường hợp đột xuất về nội dung và kỹ thuật;
 - Trình Tổng biên tập duyệt bản thảo trong mỗi số tạp chí.
- b) Thực hiện các mặt công tác về lĩnh vực hành chính, tài vụ, xuất bản, phát hành, nộp lưu chiểu, lưu trữ tư liệu, cụ thể là:
- Tiếp nhận bản thảo, hình ảnh từ tác giả;
 - Tổ chức thực hiện công tác xuất bản, tham gia trình bày ma-két (*maquette*), đánh máy bản thảo.
 - Tổ chức việc phát hành, lưu chiểu.
 - Quản lý tư liệu, trang web của tạp chí.

CHƯƠNG III PHẢN BIỆN, TÁC GIẢ

Điều 12. Quyền hạn, trách nhiệm và vai trò của người phản biện

1. Người phản biện cho Tạp chí là các nhà khoa học ở các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm khoa học công nghệ trong và ngoài nước, có cùng chuyên môn hoặc gần với chuyên môn mà nội dung bài viết đề cập, có khả năng đánh giá chất lượng công trình nghiên cứu. Ban biên tập sẽ ưu tiên lựa chọn những người phản biện có uy tín, là tác giả của nhiều công bố khoa học ở trong và ngoài nước và tham gia thực hiện nhiều công trình nghiên cứu có chất lượng;
2. Được mời thẩm định bài báo qua email (*file đính kèm bài nộp và thư mời phản biện*) và có nhiệm vụ đánh giá nội dung khoa học của bài viết một cách khách quan, trung thực, và hoàn thành công việc theo biểu mẫu và thời hạn quy định;
3. Có trách nhiệm tư vấn cho Ban biên tập Tạp chí về chất lượng nội dung khoa học của bài báo và chất lượng thông tin, đưa ra quyết định đăng tải để giúp Tổng biên tập lựa chọn các bài báo;
4. Thời gian phản biện không quá 30 ngày tùy theo dung lượng của bài báo;

5. Thù lao phản biện được trả theo quy chế chi tiêu hiện hành đã được Hội đồng quản trị của Trường duyệt.

Điều 13. Quyền lợi và trách nhiệm của tác giả bài báo

1. Các tác giả chịu trách nhiệm chính và trực tiếp trước Lãnh đạo tạp chí, trước nhà trường về nội dung, chất lượng, tính hợp pháp và bản quyền của bài viết;
2. Tuân thủ quy định về thể lệ đăng bài trên Tạp chí; chỉnh sửa bài viết, làm rõ nội dung theo ý kiến phản biện (nếu có) và theo yêu cầu của Ban biên tập;
3. Không được gửi bản thảo bài viết đến tạp chí khác cho đến khi có quyết định xét duyệt cuối cùng của Ban biên tập tạp chí;
4. Tác giả được quyền rút lại bản thảo hoặc bổ sung, điều chỉnh thông tin trong bản thảo trong vòng 1 tuần sau khi tòa soạn nhận được bản thảo;
5. Tác giả không được cung cấp thông tin liên quan đến mình trong bài viết; không được tiếp xúc với phản biện trong quá trình tòa soạn xử lý bài;
6. Tác giả có trách nhiệm rà soát, chỉnh sửa nội dung bài viết của mình lần cuối trước khi in trên Tạp chí;
7. Nghiêm cấm hành vi sao chép, sử dụng ý tưởng, kết quả hay câu văn của người khác bất hợp pháp. Phải trích dẫn rõ ràng, chi tiết những câu, đoạn văn được mượn từ bài viết, tài liệu của tác giả khác;
8. Tác giả phải đảm bảo việc sử dụng các dữ liệu đã được sự đồng ý của cá nhân hay tổ chức sở hữu các dữ liệu này. Đối với các công trình nghiên cứu chưa được công bố mà được sử dụng trong bài viết, tác giả phải cung cấp cho Ban biên tập tạp chí văn bản đồng ý của cá nhân hay tổ chức là tác giả thực hiện công trình đó;
9. Tác giả có bài viết đăng trong tạp chí được tính điểm công trình nghiên cứu khoa học theo quy định và được Ban biên tập gọi biểu tạp chí.

CHƯƠNG IV QUY ĐỊNH ĐĂNG BÀI TẠP CHÍ

Điều 14. Yêu cầu về nội dung của bài viết và tạp chí

Các bài gửi đăng phải có nội dung khoa học và chưa được công bố trên bất kỳ tạp chí nào hoặc các dạng xuất bản phẩm khác. Ngoài ra phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Bài gửi đăng phải là kết quả từ công trình nghiên cứu khoa học đã được đánh giá, nghiệm thu;
2. Kết quả nghiên cứu của luận văn, luận án được bảo vệ thành công;

3. Các bài viết tổng hợp, phân tích có nội dung khoa học mới;
4. Cuối bài viết ghi thông tin về tác giả: Học hàm, học vị, chức vụ công tác, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, email;

Điều 15. Yêu cầu về hình thức của bài viết

Bài viết phải tuân thủ theo định dạng quy định. Bài viết dài tối đa 10 trang bao gồm tài liệu tham khảo. Định dạng chung của bài gửi đăng như sau:

1. Bài viết bằng tiếng Việt, soạn thảo trên Word, font Arial (*Unicode*); cỡ chữ 10; trên khổ giấy A4; lề trên: 2,7 cm, lề dưới 3 cm, lề trái: 3cm, lề phải: 2,5cm; cách dòng 1.15; cách đoạn: spacing Before 6pt;
2. Nội dung bài viết cô đọng, súc tích, theo cấu trúc của bài báo khoa học; Không quá 10 trang đánh máy (*bao gồm cả bảng biểu, hình vẽ, chú thích, tài liệu tham khảo và phụ lục*); Trường hợp đặc biệt Ban biên tập sẽ xem xét riêng;

Điều 16. Quy chuẩn các thành phần nội dung của bài viết

1. Tên bài viết (Title):

Tên bài viết có độ dài vừa phải, thường từ 10 – 15 từ, phản ánh trực tiếp nội dung của bài viết. Tên bài viết phải viết chữ in hoa, chữ đậm, canh giữa trang.

2. Tóm tắt bài viết (Abstract):

Phần tóm tắt có độ dài từ 150 đến 200 từ, bao gồm các thành phần quan trọng xác định nội dung bài viết: Mục đích, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và kết luận chính của tác giả, phản ánh đầy đủ các kết quả và ý cơ bản của bài báo. Phần tóm tắt gồm 2 phần tiếng Việt và tiếng Anh.

3. Từ khóa (Keywords):

Tác giả đưa ra khoảng 5 đến 6 từ khóa của bài viết theo thứ tự alphabet. Từ khóa là những từ mà bài viết đó cho là quan trọng đối với nội dung nghiên cứu đặc trưng cho chủ đề của bài viết đó.

4. Giới thiệu (Introduction):

Phần này giới thiệu sơ bộ tổng quan lĩnh vực chung mà nghiên cứu này là một bộ phận; tính cần thiết và cấp bách của chủ đề nghiên cứu; các vấn đề mà nghiên cứu sẽ giải quyết; những đóng góp của đề tài nghiên cứu về lý luận và thực tiễn mà đề tài dự kiến đạt được...

5. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu (Theoretical framework and Methods):

Phân cơ sở lý thuyết nêu các nội dung lý luận làm nền tảng cho nghiên cứu, qua đó đề xuất khung lý thuyết cụ thể liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu của đề tài.

Phần phương pháp nghiên cứu chỉ rõ tiến trình nghiên cứu và các phương pháp, công cụ sử dụng trong nghiên cứu như dữ liệu và cách thức thu thập và xử lý dữ liệu; mô hình và cách thức tổ chức phân tích để giải quyết các vấn đề nghiên cứu đặt ra; và cách thức mà đề tài kết nối những phát hiện của nghiên cứu và các đề xuất, hàm ý chính sách (nếu có).

6. Kết quả và thảo luận (Results and Discussion):

Phần kết quả nghiên cứu trình bày tóm tắt những kết quả nghiên cứu rút ra từ việc phân tích dữ liệu và các suy luận logic. Dữ liệu được trình bày theo bảng biểu, đồ thị, hình vẽ v.v... Những số liệu và bảng biểu tự chúng đã trình bày đầy đủ thông tin mà không cần phải giải thích thêm bằng lời.

Phần thảo luận cho biết các nhận định của tác giả về sự khác biệt của kết quả nghiên cứu của đề tài so với các nghiên cứu cùng lĩnh vực nhằm cho thấy các đóng góp của nghiên cứu vào tri thức khoa học ở các mặt lý luận và/ hoặc thực tiễn cũng như những hạn chế của nghiên cứu. Tác giả có thể đề xuất những nghiên cứu trong tương lai để làm sáng tỏ những vấn đề còn hạn chế trong kết quả nghiên cứu của mình.

7. Kết luận và (hoặc) gợi ý chính sách (Conclusions and policy implications):

Phần này đưa ra các kết luận ngắn gọn rút ra trực tiếp từ kết quả của nghiên cứu. Đồng thời, phần này Tác giả cũng có thể nêu các gợi ý chính sách và kiến nghị giải pháp dựa trên chính kết quả của nghiên cứu.

8. Tài liệu tham khảo (Reference):

Liệt kê tất cả tài liệu đã trích dẫn trong bài viết. Tài liệu tham khảo cần được trình bày theo tiêu chuẩn Harvard. Các hình thức trích dẫn được quy định cụ thể tại khoản 3 điều 17.

Định dạng chi tiết của các mục này tham khảo ở "Phần hướng dẫn trình bày bài báo khoa học" đính kèm.

Trên đây là cách trình bày một bài báo mà Tạp chí khuyến khích các tác giả sử dụng. Tuy nhiên, tùy theo nội dung, cách tiếp cận và phương pháp sử dụng mà nội dung chính của bài viết có thể có kết cấu khác với quy định như trên. Trong trường hợp này, bài viết cũng phải đảm bảo giúp người đọc nắm được vị trí và tầm quan trọng của bài viết trong lĩnh vực nghiên cứu, các vấn đề mà nghiên cứu giải quyết, phương pháp nghiên cứu, kết quả và các bàn luận của tác giả về kết quả nghiên cứu.

Điều 17. Các quy định kỹ thuật trình bày

1. Quy định đánh số đề mục:

Trong phần nội dung chính của bài viết, các đề mục lớn phải là chữ đậm, canh trái và được đánh số liên tục theo chữ số A-rập. Các tiểu mục cấp 1 (ví dụ: 2.1) là chữ đậm và in nghiêng. Các tiểu mục cấp 2 (ví dụ: 2.1.1) là chữ in nghiêng nhưng không in đậm. Tất cả các trang bài phải được đánh số trang liên tục.

2. Quy định trình bày bảng biểu, hình vẽ, ký hiệu, công thức:

Các bảng biểu và hình vẽ trong bài viết phải được đánh số riêng biệt và theo thứ tự liên tục bằng chữ số A-rập, số thứ tự được đặt sau từ "Bảng" hoặc "Hình" (ví dụ: Bảng 1, Hình 1). Mỗi bảng biểu và hình vẽ cần phải có tên tương ứng mô tả chính xác nội dung. Tên hình vẽ, ảnh và đồ thị đặt ở giữa trang phía dưới hình; tên bảng biểu đặt giữa trang phía trên bảng. Các hình vẽ phải được nhóm (grouping) để tiện biên tập.

Trong nội dung bài viết, khi tham chiếu đến bảng biểu hay hình vẽ tác giả cần chỉ rõ bảng biểu hay hình vẽ cụ thể nào. Không sử dụng các cụm từ tham chiếu không rõ ràng như "hình trên" hay "bảng dưới đây".

Các ký hiệu, công thức phải rõ ràng, chính xác, có tên và chú thích đầy đủ, có đánh số thứ tự và chỉ rõ vị trí trong nội dung bài viết; số của công thức ở phía bên phải.

3. Quy định trình bày trích dẫn, tài liệu tham khảo:

Tạp chí áp dụng tiêu chuẩn Harvard cho việc trình bày trích dẫn tài liệu tham khảo. Trích dẫn tài liệu tham khảo được chia làm 2 dạng chính: Trích dẫn trong bài (*In-text reference*) và danh sách tài liệu tham khảo (*Reference list*).

Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (*Việt, Anh, Pháp, ...*); theo thứ tự Alphabet của tên tác giả đối với người Việt, của họ tác giả đối với người nước ngoài; tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự Alphabet từ đầu của cơ quan ban hành.

Danh sách tài liệu tham khảo được đặt cuối bài viết, mỗi trích dẫn trong bài viết (*in-text reference*) phải tương ứng với danh mục nguồn tài liệu được liệt kê trong danh sách tài liệu tham khảo. Cụ thể:

3.1 Trích dẫn trong bài:

Trích dẫn trong bài viết bao gồm các thông tin gồm tên tác giả/ tổ chức, năm xuất bản và trang tài liệu trích dẫn (nếu có). Có 2 cách chủ yếu trình bày trích dẫn trong bài viết:

- Tên tác giả và năm xuất bản đều để trong ngoặc đơn. **Ví dụ:** Lạm phát năm 2009 của Việt Nam không phải do yếu tố cầu kéo (Nguyễn Văn A, 2009); hoặc
- Tên tác giả là thành phần của câu và năm xuất bản đặt trong ngoặc đơn. **Ví dụ:** Nguyễn Văn A (2009) cho rằng lạm phát năm 2009 không phải do yếu tố cầu kéo.

Số trang tài liệu trích dẫn có thể được đưa vào trong trường hợp bài viết trích dẫn nguyên văn một đoạn nội dung của tài liệu tham khảo. **Ví dụ:** Nguyễn Văn A (2009, tr. 3) nêu rõ “Lạm phát trong năm 2009 tại Việt Nam không bị tác động bởi các yếu tố cầu kéo”.

Trong trường hợp có nhiều hơn một bài viết của một tác giả trong một năm được trích dẫn, thì phải đánh dấu phân biệt bài viết bằng ký tự a, b, c.

Ví dụ: (Trần Văn A, 2012a), (Trần Văn A, 2012b), (Trần Văn A, 2012c).

3.2 Danh mục tài liệu tham khảo:

Danh sách tài liệu tham khảo được đặt cuối bài viết, bắt đầu bằng tiêu đề “**Danh mục tài liệu tham khảo**”, tiếp theo là danh mục liệt kê tài liệu tham khảo (*sách, bài báo, nguồn ấn phẩm điện tử*) được sắp xếp thứ tự Alphabet lần lượt theo tên tác giả, tiếp đến là theo năm xuất bản và tên bài viết.

a) Quy chuẩn trình bày tài liệu tham khảo là giáo trình, sách tham khảo:

Quy chuẩn trình bày sách tham khảo là: Họ tên tác giả (năm xuất bản), *tên sách*, nhà xuất bản, nơi xuất bản

Ví dụ: Nguyễn Văn A (2010), *Hội nhập quốc tế của Việt Nam thế kỷ XX*, Nhà xuất bản XYZ, Tp. Hồ Chí Minh.

b) Quy chuẩn trình bày tài liệu tham khảo là bài báo đăng trên tạp chí khoa học:

Mẫu quy chuẩn cho loại tài liệu này là: Họ tên tác giả (năm xuất bản), “*tên bài báo*”, *tên tạp chí*, số phát hành, khoảng trang chứa nội dung bài báo trên tạp chí.

Ví dụ: Lê Văn H (2009), “Tác động của toàn cầu hoá đến tăng trưởng kinh tế: Trường hợp nghiên cứu tại Việt Nam”, *Tạp chí Y*, số 15, tr. 12-19.

c) Quy chuẩn trình bày tài liệu tham khảo là ấn phẩm điện tử:

Mẫu quy chuẩn cho loại tài liệu này là: Họ tên tác giả (năm xuất bản), *tên ấn phẩm/ tài liệu điện tử*, tên tổ chức xuất bản, ngày tháng năm truy cập, <liên kết đến ấn phẩm/tài liệu>.

Ví dụ: Trần Văn A (2013), Tác động của toàn cầu hoá đến tăng trưởng kinh tế: Trường hợp nghiên cứu tại Việt Nam, Tạp chí Y, truy cập ngày 14 tháng 09 năm 2013, < <http://tapchiy.org/tranvanA2013.pdf>>.

d) Quy chuẩn trình bày một số loại tài liệu tham khảo khác:

LOẠI TÀI LIỆU THAM KHẢO	QUY CHUẨN TRÌNH BÀY	VÍ DỤ (thông tin chỉ có tính minh họa)
Bài viết xuất bản trong ấn phẩm kỷ yếu hội thảo, hội nghị.	Họ tên tác giả (năm), "tên bài viết", tên ấn phẩm hội thảo/hội nghị, tên nhà xuất bản, nơi xuất bản, trang trích dẫn.	Nguyễn Văn A (2010), "Bàn về lạm phát Việt Nam năm 2009", Kỷ yếu Hội thảo các vấn đề kinh tế Việt Nam năm 2010, Nhà xuất bản ABC, Tp.Hồ Chí Minh, tr. 17-24.
Bài tham luận trình bày tại hội thảo, hội nghị mà không xuất bản.	Họ tên tác giả (năm), "tên bài tham luận", tham luận trình bày/báo cáo tại hội thảo/hội nghị...(tên hội thảo/hội nghị), đơn vị tổ chức, ngày tháng diễn ra hội thảo/hội nghị.	Nguyễn Văn A (2010), "Bàn về lạm phát Việt Nam năm 2009", báo cáo tại hội nghị Các vấn đề kinh tế đương đại Việt Nam, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn, ngày 12-15 tháng 9.
Bài viết trên báo in.	Họ tên tác giả (năm), "tên bài báo", tên báo số ... ngày ...tháng..., trang chứa nội dung bài báo.	Nguyễn Văn A (2010), "Bàn về lạm phát Việt Nam năm 2009", Nhân dân số 20 ngày 11 tháng 11, trang 3.
Bài viết trên báo điện tử/trang thông tin điện tử.	Họ tên tác giả (năm xuất bản), "tên ấn bài báo", tên tổ chức xuất bản, ngày tháng năm truy cập, <liên kết đến ấn phẩm/ bài báo trên website>.	Nguyễn Văn A (2010), "Nhân tố nào thúc đẩy tăng trưởng Việt Nam năm 2009", Báo điện tử Tạp chí Công sản, truy cập ngày 11 tháng 11 năm 2011, < http://tapchicongsan.org/123.html >.
Báo cáo của các tổ chức.	Tên tổ chức là tác giả báo cáo (năm báo cáo), tên báo cáo, mô tả báo cáo (nếu cần), địa danh ban hành báo cáo.	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (2011), Báo cáo tổng hợp các công trình nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học của Trường 5 năm 2005-2010, T.p Hồ Chí Minh.
Văn bản pháp luật	Loại văn bản, số hiệu văn bản, tên đầy đủ văn	Thông tư số 44/2007/BCT hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ

	<i>bản, cơ quan/ tổ chức/ người có thẩm quyền ban hành, ngày ban hành.</i>	<i>kinh phí đối với dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 5 năm 2007.</i>
Các công trình chưa được xuất bản.	Họ tên tác giả (năm viết công trình), <i>tên công trình</i> , công trình/tài liệu chưa xuất bản đã được sự đồng ý của tác giả, nguồn cung cấp tài liệu.	Nguyễn Văn A (2006), <i>Bàn về lạm phát của Việt Nam sau khi gia nhập WTO</i> , tài liệu chưa xuất bản đã được sự đồng ý của tác giả, Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại Công nghệ Sài Gòn.

4. *Quy chuẩn cách viết cụm từ viết tắt, chữ viết hoa, định dạng ngày tháng, định dạng con số, ghi chú:*

4.1 *Viết tắt:*

Các cụm từ được viết tắt là các từ được sử dụng nhiều lần trong bài viết. Các từ viết tắt chỉ được sử dụng sau khi chúng được tác giả giới thiệu sau cụm từ đầy đủ ở lần xuất hiện đầu tiên trong bài viết. Ví dụ: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (STU).

Đối với các đơn vị đo lường thông dụng thì được sử dụng ngay mà không cần phải có sự giới thiệu khi chúng xuất hiện lần đầu (như: km, cm,...).

4.2 *Chữ viết hoa:*

Các trường hợp điển hình bao gồm (*nhưng không giới hạn*) tên các cơ quan tổ chức; tên các cá nhân; hay tên các tổ chức hay thể chế được dùng trong cụm từ mà nó có vai trò là tính từ bổ nghĩa thì không viết hoa. Ví dụ: Kinh tế nhà nước (không viết hoa từ “nhà nước”). Cụ thể hơn có thể tham khảo Quy định về cách viết hoa trong các văn bản hành chính của Bộ nội vụ:

(http://moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=26230).

4.3 *Định dạng ngày tháng:*

- Định dạng ngày tháng tiếng Việt: ngày/tháng/năm.
- Định dạng ngày tháng tiếng Anh: tháng, ngày năm (vd: October, 3rd 2010).

4.4 *Định dạng con số:*

Định dạng con số trong tiếng Việt: dấu phẩy (,) được biểu trưng cho nhóm dãy số thập phân; dấu chấm (.) biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn...

Định dạng con số trong tiếng Anh: ngược lại với tiếng Việt: dấu phẩy (,) được biểu trưng cho phân nhóm các dãy số hàng đơn vị, hàng chục hàng trăm hàng nghìn...; Dấu chấm (.) biểu trưng cho cho nhóm dãy số thập phân.

4.5 Ghi chú:

Các ghi chú được đặt cuối bài viết, trước danh sách tài liệu tham khảo, được bắt đầu bằng tiêu đề “**Các ghi chú**”. Mỗi ghi chú phải được đánh số theo thứ tự tăng dần (1,2,3...) và phải tương ứng với số đánh ghi chú trong nội dung bài viết. Các ghi chú phải ngắn gọn, chỉ bao hàm các thông tin bổ sung thật cần thiết.

Điều 18. Điều kiện bài báo được đăng trên tạp chí

1. Nội dung bài báo thuộc các lĩnh vực của tạp chí và chưa được công bố trên các Tạp chí khác.
2. Bài báo đã được đánh giá và thông qua phản biện độc lập; đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến đóng góp (nếu có) của phản biện, Ban biên tập và Ban thư ký.
3. Được 2 phản biện, ban biên tập và Tổng biên tập đồng ý cho đăng và được tác giả xác nhận về nội dung, hình thức trình bày bài viết.
4. Trong trường hợp đặc biệt Tổng biên tập sẽ quyết định cho phép đăng.

Điều 19. Thể lệ gửi và nhận bài viết

1. Tác giả gửi cho tòa soạn 01 bản in chính thức và gửi kèm tập tin (*file*) thông qua Ban thư ký. Cuối bài viết ghi rõ họ tên, học vị, chức danh, địa chỉ liên hệ (có số di động và địa chỉ email), đơn vị công tác để liên lạc, trao đổi thông tin. Tòa soạn không gửi lại tác giả bản thảo và các thông tin có liên quan nếu bài không được chọn đăng và Tổng biên tập sẽ phản hồi lý do nếu bài không được đăng.
2. Bài viết có thể nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, hoặc qua email, hoặc qua phần mềm quản lý của Tạp chí;
3. Địa chỉ gửi bài viết:
 - Phòng Quản lý Khoa học & Đối ngoại (QLKH & ĐN), Trường ĐH Công nghệ Sài Gòn;
 - 180 Cao Lỗ, Phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 08 38505520 – 206
 - Email: tapchikhdt@stu.edu.vn
4. Tòa soạn nhận bài viết của tác giả liên tục trong năm, tiến hành phản biện, trình duyệt danh mục bài và danh sách cán bộ mời phản biện cho từng số theo thứ tự ưu tiên đã quy định.

CHƯƠNG V

QUY ĐỊNH XÉT DUYỆT BÀI ĐĂNG TẠP CHÍ

Điều 20. Các bước xét duyệt

1. Sau khi tòa soạn tiếp nhận bài viết của tác giả, Ban biên tập tiến hành xem xét và sơ duyệt các yêu cầu về nội dung và hình thức. Những bài viết không đúng quy cách của một bài báo khoa học hoặc có nội dung không phù hợp hoặc quá nhiều lỗi chính tả và cú pháp hoặc chất lượng bài viết quá thấp sẽ bị từ chối và được tòa soạn thông báo đến tác giả trong vòng 1 tuần. Những bài đủ điều kiện, được ban biên tập chuyển đến thành viên Ban biên tập có cùng chuyên môn với nội dung bài viết để đề xuất người phản biện. Thời gian kể từ khi thành viên Ban biên tập nhận bài báo đến khi đề xuất người phản biện chậm nhất là 1 tuần;

2. Tổng biên tập duyệt người phản biện;

3. Ban thư ký gửi bài và yêu cầu đến phản biện. Mỗi bài báo có 2 phản biện độc lập.

4. Phản biện gửi nhận xét cho Ban thư ký. Thời gian từ khi gửi bài cho phản biện cho đến khi nhận ý kiến của phản biện tối đa 30 ngày.

- Sau khi nhận ý kiến của phản biện, Ban biên tập và Ban thư ký thẩm định, trình Tổng biên tập quyết định chọn đăng hoặc từ chối bài viết.

- Những bài chất lượng không đạt yêu cầu, cả 2 phản biện không đồng ý cho đăng sẽ bị từ chối.

- Những bài chỉ có 1 phản biện đồng ý cho đăng: Ban biên tập và Ban thư ký thẩm định và trình Tổng biên tập quyết định chọn đăng hoặc từ chối hoặc gửi bài đến phản biện thứ 3; Nếu phản biện thứ 3 đồng ý cho đăng thì bài viết mới được xem xét đưa vào danh mục chọn đăng.

- Những bài viết tốt, được 2 phản biện đồng ý cho đăng, không phải sửa chữa sẽ được đưa vào danh mục chọn đăng.

- Những bài viết có chất lượng khá và trung bình, phải sửa chữa thì Tổng biên tập gửi ý kiến phản biện cho tác giả để xem xét, chỉnh sửa và giải trình các câu hỏi, bình luận của phản biện về bài viết, đặc biệt là những vấn đề giữa tác giả và phản biện chưa thống nhất. Thời gian từ khi tác giả nhận bài viết để chỉnh sửa đến khi nộp lại cho tòa soạn tối đa 15 ngày. Bài viết đã chỉnh sửa, nộp lại cho tòa soạn được xử lý như sau:

- Trường hợp sửa chữa không cần gửi lại phản biện: Ban biên tập và Ban thư ký xem xét tác giả đã sửa đúng theo yêu cầu của phản biện hay không. Nếu đúng sẽ chuyển sang giai đoạn thẩm định để đưa vào danh mục chọn đăng; nếu chưa đúng gửi lại cho tác giả yêu cầu sửa lần cuối.

- Trường hợp phải sửa gởi lại phản biện: Tòa soạn sẽ gởi bài báo đã sửa và bản trả lời phản biện của tác giả đến phản biện; phản biện gởi nhận xét cho tòa soạn như lần đầu nhận ý kiến phản biện.

5. Ban thư ký tổng hợp các bài viết đã được tác giả hoàn thiện sau các lần thẩm định trình Ban biên tập xem xét, Tổng biên tập duyệt, quyết định bài đăng theo các phương diện:

- Sự phù hợp nội dung bài viết với tôn chỉ, mục đích hoạt động và lĩnh vực của tạp chí;
- Thể loại bài viết (*ưu tiên các bài nghiên cứu chuyên sâu, có hàm lượng khoa học cao*);
- Đóng góp mới của bài báo.

Bài viết được ưu tiên đăng trong số tạp chí gần nhất theo thứ tự: Tính thời sự, chất lượng bài viết và thời gian gởi bài.

6. Biên tập bản thảo (*tiếng Việt và tiếng Anh*), chế bản, đọc soát lỗi. Thời gian hoàn thành từ 10 đến 15 ngày.

7. Ban thư ký gởi cho tác giả hiệu đính lần cuối và xác nhận bản thảo trước khi in. Thời gian hoàn thành từ 5 đến 7 ngày.

8. In ấn, phát hành và đưa bài báo lên trang web.

CHƯƠNG VI LƯU TRỮ & BẢO QUẢN

Điều 21. Lưu trữ và bảo quản

1. Để lưu trữ một cách khoa học các bài báo khoa học, đảm bảo thuận tiện khi lưu trữ, sử dụng và tránh nhầm lẫn, mất mát hoặc hư hỏng do tác động của môi trường, tài liệu hoạt động báo chí chuyên ngành được lưu giữ bằng 02 hình thức: lưu giữ bằng văn bản cuốn tạp chí và bằng file trong máy tính của Phòng QLKH & ĐN. Các loại tài liệu, hồ sơ lưu giữ đều được đánh mã số theo đúng mã số của quy trình.

2. Việc lưu trữ, bảo quản các loại hồ sơ chất lượng, hình thức trình bày, phương pháp lưu, thời gian lưu, quyền hạn sử dụng hoặc hình thức hủy được qui định trong phụ lục (*đính kèm*).

Điều 22. Sử dụng

1. Chỉ những người có trách nhiệm xử lý những công việc liên quan mới được phép sử dụng các hồ sơ quản lý tạp chí Khoa học & Đào tạo (*Trưởng phòng, Phó trưởng phòng QLKH & ĐN, chuyên viên trực tiếp phụ trách*). Sau khi dùng,

người sử dụng có trách nhiệm báo cho chuyên viên trực tiếp phụ trách biết và trả hồ sơ vào đúng vị trí lưu trữ. Các cá nhân hoặc các đơn vị khác muốn mượn hồ sơ phải được sự đồng ý của lãnh đạo Phòng, chuyên viên trực tiếp phụ trách cho mượn và trả phải ghi vào sổ theo biểu mẫu (QLTC.01).

Điều 23. Huỷ hồ sơ

1. Hết thời hạn sử dụng, các loại hồ sơ chất lượng được huỷ theo đúng phương pháp qui định.
2. Đối với những loại hồ sơ cần bảo mật phải do những người có trách nhiệm huỷ theo phương pháp cần thiết.

Điều 24. Kiểm soát hồ sơ hoạt động báo chí chuyên ngành

Cán bộ chuyên trách của Phòng QLKH &ĐN có trách nhiệm lập, bổ sung và lưu danh mục các loại hồ sơ hoạt động báo chí chuyên ngành theo Biểu mẫu (QLTC.02).

**CHƯƠNG VII
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG**

Điều 25. Nguồn kinh phí

Kinh phí hoạt động tạp chí của trường ĐH Công Nghệ Sài Gòn;

Điều 26. Các khoản chi của tạp chí

1. Chi quản lý hành chính: Vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, công tác phí, Hội nghị;
2. Chi in ấn, làm ma-két (maquette), chế bản in ấn;
3. Chi cho biên tập, phản biện, nhuận bút;
4. Các chi phí khác.

**CHƯƠNG VIII
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 27. Khen thưởng

1. Các phản biện, các cộng tác viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên có nhiều đóng góp cho phát triển của Tạp chí Khoa học và Đào tạo sẽ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Trường.
2. Các tác giả có nhiều bài viết có chất lượng, được quan tâm nhiều nhất trên Tạp chí sẽ được biểu tặng tạp chí thường xuyên.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Tác giả vi phạm bản quyền và những cam kết với Tạp chí không được gửi bài trên Tạp chí trong thời gian 2 năm, và chịu trách nhiệm xử lý theo quy định hiện hành của Luật báo chí và Luật xuất bản.

2. Thành viên trong Ban biên tập và tòa soạn vi phạm đạo đức nghề nghiệp sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký và ban hành. Những quy định trước đây trái với quy chế này đều không còn hiệu lực.

**HIỆU TRƯỞNG**
GS. TS. Đào Văn Lượng

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY BÀI BÁO KHOA HỌC

3 cm

2,7 cm

2.5 cm

TÊN BÀI BÁO
TITLE OF PAPER

(FONT Arial 12, BOLD)

(FONT Arial 10, BOLD)

(FONT Arial 12, REGULAR)

CHỨC DANH VÀ TÊN CỦA TÁC GIẢ
Đơn vị công tác

(font Arial 10, Bold, Italic)

font Arial 10, Italic

Tóm tắt

<1 cm>

Abstract

(font Arial 10, Bold, Italic)

font Arial 10, Italic

Key words:

font Arial 10, regular

1. Tên các đề mục chính

(font Arial 10, Bold)

1.1. Tên các tiểu mục

font Arial 10, regular

1.2. Tên các tiểu mục

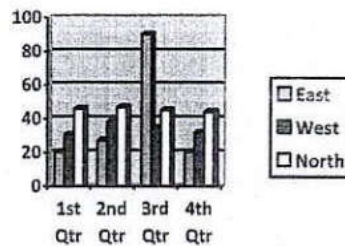
(font Arial 10, Bold, Italic)

font Arial 10, regular

2. Tên các đề mục chính

font Arial 10, regular

(font Arial 9, Bold, Italic)



Hình xx: Tên hình vẽ.

Công thức toán học: theo Microsoft Equation 3.0

$$\begin{cases} (m + m_x)u - (m + m_y)v r = X \\ (m + m_y)v + (m + m_x)ur = Y \\ (I_{xx} + J_{xx})\dot{r} = N \end{cases} \quad (1)$$

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] ALLEN, L. FRIEDER, O. (1992) Exploiting Database Technology in the Medical Arena: A critical Assessment of integrated systems for picture archiving and communications. *IEEE Engineering in Medicine and Biology* 11, 42-49..

[2]

3 cm

3 cm

2.5 cm

NHẬN XÉT BÀI BÁO KHOA HỌC

1. Họ và tên người nhận xét:.....

2. Đơn vị công tác:

3. Tên bài báo nhận xét:.....

.....

4. Nội dung nhận xét:

4.1. Những kết quả đạt được của bài báo

(Nếu vẫn tất các kết quả đạt được của bài báo)

.....

.....

..... (font Arial 10, regular)

4.2. Những nội dung yêu cầu chỉnh sửa, làm rõ

(Nếu rõ, chi tiết các phần yêu cầu chỉnh sửa, các nội dung cần được làm rõ của bài báo)

.....

.....

..... (font Arial 10, regular)

5. Kiến nghị của người nhận xét

.....

.....

..... (font Arial 10, regular)

Đồng ý cho đăng bài:

Không đồng ý cho đăng bài.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Ký tên

(Ký, ghi rõ họ tên)

SỔ MƯỢN, TRẢ HỒ SƠ

STT	NGƯỜI MƯỢN	TÊN ĐƠN VỊ	LOẠI TẠP CHÍ	NGÀY MƯỢN	NGÀY TRẢ	KÝ NHẬN	
						MƯỢN	TRẢ
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							
6.							
7.							
8.							
9.							
10.							
11.							
12.							
13.							
14.							
15.							
16.							
17.							
18.							
19.							
20.							
21.							
22.							
23.							
24.							
25.							
26.							
27.							
28.							
29.							
30.							

DANH MỤC HỒ SƠ KHOA HỌC

<i>STT</i>	<i>Tên hồ sơ khoa học</i>	<i>Ký hiệu</i>	<i>Vị trí lưu</i>	<i>Thời gian lưu</i>	<i>Hình thức lưu</i>	<i>Ghi chú</i>
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						
6.						
7.						
8.						
9.						
10.						
11.						
12.						
13.						
14.						
15.						
16.						
17.						
18.						
19.						
20.						
21.						
22.						
23.						
24.						
25.						
26.						
27.						
28.						
29.						
30.						
31.						
32.						
33.						
34.						

LUẬT BÁO CHÍ

Để bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân;

Để phát huy vai trò của báo chí trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc theo đường lối đổi mới của Đảng cộng sản Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 67 và Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định chế độ báo chí.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vai trò, chức năng của báo chí

Báo chí ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phương tiện thông tin đại chúng thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của các tổ chức của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội (dưới đây gọi chung là tổ chức); là diễn đàn của nhân dân.

Điều 2. Bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí.

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí và để báo chí phát huy đúng vai trò của mình.

Báo chí, nhà báo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và được Nhà nước bảo hộ; không một tổ chức, cá nhân nào được hạn chế, cản trở báo chí, nhà báo hoạt động. Không ai được lạm dụng quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân.

Báo chí không bị kiểm duyệt trước khi in, phát sóng.

Điều 3. Các loại hình báo chí:

Báo chí nói trong Luật này là báo chí Việt Nam, gồm: báo in (báo, tạp chí, bản tin thời sự, bản tin thông tấn); báo nói (chương trình phát thanh); báo hình (chương trình truyền hình, chương trình nghe - nhìn thời sự được thực hiện bằng các phương tiện kỹ thuật khác nhau), bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài.

Chương II

QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ, QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN TRÊN BÁO CHÍ CỦA CÔNG DÂN

Điều 4. Quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân có quyền:

- 1- Được thông tin qua báo chí về mọi mặt của tình hình đất nước và thế giới;
- 2- Tiếp xúc, cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí và nhà báo; gửi tin, bài, ảnh và tác phẩm khác cho báo chí mà không chịu sự kiểm duyệt của tổ chức, cá nhân nào và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin;

- 3- Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới;
- 4- Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, Chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- 5- Góp ý kiến, phê bình, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với các tổ chức của Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và thành viên của các tổ chức đó.

Điều 5. Trách nhiệm của báo chí đối với quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân

Cơ quan báo chí có trách nhiệm:

- 1- Đăng, phát sóng tác phẩm, ý kiến của công dân; trong trường hợp không đăng, phát sóng phải trả lời và nói rõ lý do;
- 2- Trả lời hoặc yêu cầu tổ chức, người có chức vụ trả lời bằng thư hoặc trên báo chí về kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÁO CHÍ

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của báo chí

Báo chí có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- 1- Thông tin trung thực về mọi mặt của tình hình đất nước và thế giới;
- 2- Tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu văn hoá, khoa học, kỹ thuật trong nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; góp phần nâng cao kiến thức, đáp ứng nhu cầu văn hoá lành mạnh của nhân dân, bảo vệ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- 3- Phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội; làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân;
- 4- Phát hiện, biểu dương gương tốt, nhân tố mới; đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác;
- 5- Mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc, tham gia vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Điều 7. Cung cấp thông tin cho báo chí

Trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình, các tổ chức có quyền và nghĩa vụ cung cấp thông tin cho báo chí, giúp cho báo chí thông tin chính xác, kịp thời và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin.

Đối với vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử thì các cơ quan tiến hành tố tụng có quyền không cung cấp thông tin cho báo chí, nhưng báo chí có quyền thông tin theo các nguồn tài liệu của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin.

Báo chí có quyền và nghĩa vụ không tiết lộ tên người cung cấp thông tin nếu có hại cho người đó, trừ trường hợp có yêu cầu của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

hoặc Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên cần thiết cho việc điều tra, xét xử tội phạm nghiêm trọng.

Điều 8. Trả lời trên báo chí

Người đứng đầu cơ quan báo chí có quyền yêu cầu các tổ chức, người có chức vụ trả lời vấn đề mà công dân nêu ra trên báo chí; các tổ chức, người có chức vụ có trách nhiệm trả lời trên báo chí.

Tổ chức, công dân có quyền yêu cầu cơ quan báo chí trả lời về vấn đề mà báo chí đã thông tin; cơ quan báo chí có trách nhiệm trả lời.

Cơ quan báo chí phát hiện hoặc nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân về những việc có dấu hiệu phạm tội thì phải báo ngay cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát bằng văn bản; cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có trách nhiệm thụ lý và trả lời cho báo chí cách giải quyết.

Điều 9. Cải chính trên báo chí

Báo chí thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân thì phải cải chính và xin lỗi hoặc đăng, phát sóng lời cải chính của tổ chức, công dân. Trong trường hợp báo chí không cải chính hoặc cải chính không thoả đáng; không đăng, phát sóng lời cải chính của tổ chức, công dân mà không có lý do chính đáng thì họ có quyền khiếu nại với cơ quan chủ quản báo chí hoặc yêu cầu Toà án xét xử.

Lời cải chính của cơ quan báo chí của tổ chức, công dân phải được đăng, phát sóng kịp thời và tương xứng với thông tin cần cải chính.

Điều 10. Những điều không được thông tin trên báo chí

Để quyền tự do ngôn luận trên báo chí được sử dụng đúng đắn, báo chí phải tuân theo những điều sau đây:

- 1- Không được kích động nhân dân chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân;
- 2- Không được kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, kích động dâm ô, đồi trụy, tội ác;
- 3- Không được tiết lộ bí mật Nhà nước: bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại và những bí mật khác do pháp luật quy định;
- 4- Không được đưa tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống nhằm xúc phạm danh dự của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của công dân.

Chương IV

TỔ CHỨC BÁO CHÍ VÀ NHÀ BÁO

Điều 11. Cơ quan báo chí

Cơ quan báo chí là cơ quan thực hiện một loại hình báo chí nói tại Điều 3 của Luật này.

Điều 12. Cơ quan chủ quản báo chí

Cơ quan chủ quản báo chí là tổ chức đứng tên xin cấp giấy phép hoạt động của báo chí và trực tiếp quản lý cơ quan báo chí.

Cơ quan chủ quản báo chí có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Xác định, chỉ đạo thực hiện tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ và phạm vi phát hành chủ yếu, công suất, thời gian, tần số, phạm vi toả sóng và ngôn ngữ thể hiện của cơ quan báo chí được quy định trong giấy phép;

2- Bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu cơ quan báo chí thuộc quyền mình, sau khi trao đổi ý kiến với cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí.

Điều 13. Người đứng đầu cơ quan báo chí

1- Người đứng đầu cơ quan báo chí là Tổng biên tập (báo in) hoặc Tổng giám đốc, Giám đốc (đài phát thanh, đài truyền hình, cơ sở thực hiện chương trình nghe - nhìn thời sự);

2- Người đứng đầu cơ quan báo chí phải là người có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và nghiệp vụ báo chí do Nhà nước quy định;

3- Người đứng đầu cơ quan báo chí lãnh đạo và quản lý cơ quan báo chí về mọi mặt, bảo đảm thực hiện tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí và chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan chủ quản và trước pháp luật về mọi hoạt động của cơ quan báo chí.

Điều 14. Nhà báo

Nhà báo phải là người có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ thường trú tại Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và nghiệp vụ báo chí do Nhà nước quy định, đang hoạt động hoặc công tác thường xuyên với một cơ quan báo chí Việt Nam và được cấp thẻ nhà báo.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của nhà báo

Nhà báo có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1- Nhà báo có quyền và nghĩa vụ thông tin trung thực, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, góp phần thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân;

2- Nhà báo có quyền hoạt động báo chí trên lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

3- Nhà báo chịu trách nhiệm về nội dung tác phẩm báo chí của mình; có quyền khước từ việc biên soạn hoặc tham gia biên soạn tác phẩm báo chí trái với Luật này;

4- Nhà báo được hưởng một chế độ ưu tiên, ưu đãi cần thiết cho hoạt động báo chí theo quy định của Hội đồng bộ trưởng;

Không ai được đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo hoặc phá huỷ, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở nhà báo trong hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật.

Không ai được lạm dụng danh nghĩa nhà báo để làm việc vi phạm pháp luật.

Điều 16. Hội nhà báo Việt Nam

Hội nhà báo Việt Nam có quyền và nghĩa vụ tham gia xây dựng và góp phần thực hiện chính sách thông tin - báo chí; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà báo.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ

Điều 17. Quản lý Nhà nước về báo chí

Quản lý Nhà nước về báo chí bao gồm:

- 1- Xây dựng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp báo chí, chính sách tài trợ báo chí, chính sách đối với nhà báo;
- 2- Ban hành quy chế hoạt động báo chí, cấp giấy phép hoạt động báo chí;
- 3- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ báo chí và các quy định pháp luật về báo chí; xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng bộ trưởng thực hiện quyền quản lý Nhà nước về báo chí trong cả nước, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương thực hiện quyền quản lý Nhà nước về báo chí ở địa phương theo sự phân cấp do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 18. Điều kiện hoạt động của báo chí

Tổ chức muốn thành lập cơ quan báo chí phải có đủ các điều kiện sau đây:

- 1- Có người đủ tiêu chuẩn để đứng đầu cơ quan báo chí theo quy định tại Điều 13 của Luật này;
- 2- Xác định rõ tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành chủ yếu, công suất, thời gian, tần số, phạm vi toả sóng và ngôn ngữ thể hiện của cơ quan báo chí;
- 3- Có trụ sở chính và có các điều kiện cần thiết khác bảo đảm cho hoạt động của cơ quan báo chí.

Điều 19. Cấp giấy phép hoạt động báo chí

Cơ quan báo chí phải có giấy phép do cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí cấp mới được hoạt động. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin phép, cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí phải trả lời, nói rõ lý do. Tổ chức bị từ chối cấp giấy phép có quyền khiếu nại với Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Điều 20. Hiệu lực của giấy phép

Cơ quan báo chí phải thực hiện đúng những điều ghi trong giấy phép; nếu muốn thay đổi tên gọi, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, ngôn ngữ thể hiện, phạm vi phát hành chủ yếu, kỳ hạn xuất bản thì phải xin phép lại.

Việc xác định, thay đổi công suất, thời gian, tần số, phạm vi toả sóng phải được phép của cơ quan quản lý Nhà nước về tần số vô tuyến điện.

Không được chuyển nhượng giấy phép hoạt động báo chí cho cơ quan, tổ chức khác.

Điều 21. Xuất bản ấn phẩm báo chí khác, phát sóng chương trình đặc biệt, chương trình phụ

Cơ quan báo chí, tổ chức khác muốn xuất bản đặc san, số phụ; đài phát thanh, đài truyền hình muốn phát sóng chương trình đặc biệt, chương trình phụ khác với tôn chỉ,

mục đích, ngôn ngữ thể hiện ghi trong giấy phép thì phải xin phép cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí.

Điều 22. In báo chí, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình

Cơ sở in có trách nhiệm thực hiện hợp đồng, bảo đảm thời gian phát hành của báo chí; không được in báo chí không có giấy phép, không được in lại tác phẩm báo chí đã có lệnh cấm lưu hành của cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí.

Cơ sở kỹ thuật phát sóng cho đài phát thanh, đài truyền hình có trách nhiệm bảo đảm phạm vi toả sóng quy định.

Đài phát thanh, đài truyền hình, cơ sở thực hiện chương trình nghe - nhìn thời sự không được phát nội dung tác phẩm báo chí đã có lệnh cấm lưu hành hoặc tịch thu.

Điều 23. Lưu chiếu

Báo chí in phải nộp lưu chiếu trước khi phát hành; báo nói, báo hình phải lưu giữ bản thảo, phim nhựa, băng, đĩa, ghi âm, ghi hình theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 24. Phát hành báo chí

Cơ quan báo chí được tổ chức phát hành hoặc uỷ thác cho tổ chức, cá nhân có đăng ký phát hành.

Không ai được cản trở việc phát hành báo chí tới người đọc, nếu không có lệnh cấm lưu hành.

Không một tổ chức, cá nhân nào được lưu hành ấn phẩm báo chí không có giấy phép xuất bản hoặc đã có lệnh cấm.

Điều 25. Quảng cáo

Báo chí được đăng, phát sóng quảng cáo và thu tiền quảng cáo. Nội dung quảng cáo phải tách biệt với nội dung tuyên truyền và không được vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này.

Điều 26. Hợp báo

Tổ chức, công dân muốn hợp báo phải báo trước cho cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí. Nghiêm cấm hợp báo có nội dung vi phạm quy định tại Điều 10 của Luật này.

**Chương VI
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 27. Khen thưởng

Cơ quan báo chí, nhà báo, tổ chức và công dân có thành tích và cống hiến vào hoạt động báo chí thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước. Nhà báo có thành tích xuất sắc thì được tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1- Cơ quan báo chí, tổ chức khác vi phạm quy định về giấy phép hoạt động báo chí, về nội dung thông tin trên báo chí, về cải chính do thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống và các quy định khác của Luật này thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị

cảnh cáo, phạt tiền, thu hồi, tịch thu ấn phẩm, băng, đĩa ghi âm, ghi hình, đình bản tạm thời hoặc thu hồi giấy phép theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính.

Cơ quan báo chí, công dân thông tin gây thiệt hại cho tổ chức, công dân khác thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

2- Người chịu trách nhiệm chính về những hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3- Người vi phạm các quy định về cung cấp thông tin, trả lời trên báo chí, thành lập cơ quan báo chí, phát hành, quảng cáo, hợp báo, cản trở hoạt động báo chí, xúc phạm danh dự, nhân phẩm nhà báo và các quy định khác của Luật này thì tùy theo mức độ nhẹ hoặc nặng mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 29

Luật này thay thế Luật số 100 SL-L002 ngày 20 tháng 5 năm 1957 quy định chế độ báo chí.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Điều 30

Căn cứ vào quy định của Luật này, Hội đồng bộ trưởng ban hành quy chế hoạt động của báo chí nước ngoài tại Việt Nam và quy chế hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài.

Điều 31

Hội đồng bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 12 năm 1989.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Lê Quang Đạo

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BÁO CHÍ SỐ
12/1999/QH10 NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 1999

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;
Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật báo chí đã được Quốc hội nước
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 12 năm 1989.*

Điều 1

Sửa đổi, bổ sung Lời mở đầu và một số điều của Luật báo chí như sau:

1. Lời mở đầu được sửa đổi, bổ sung:

"Để bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân, phù hợp với lợi ích của Nhà nước và của nhân dân;

Để phát huy vai trò của báo chí trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định chế độ báo chí.

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 3. Các loại hình báo chí

Báo chí nói trong Luật này là báo chí Việt Nam, bao gồm: báo in (báo, tạp chí, bản tin thời sự, bản tin thông tấn), báo nói (chương trình phát thanh), báo hình (chương trình truyền hình, chương trình nghe - nhìn thời sự được thực hiện bằng các phương tiện kỹ thuật khác nhau), báo điện tử (được thực hiện trên mạng thông tin máy tính) bằng tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam, tiếng nước ngoài".

3. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của báo chí

Báo chí có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Thông tin trung thực về tình hình trong nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân;

2- Tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; góp phần ổn định chính trị, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hoá lành mạnh của nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

3- Phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội; làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân;

4- Phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực xã hội khác;

5- Góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam;

6- Mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc, tham gia vào sự nghiệp của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".

4. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 9. Cải chính trên báo chí

1- Báo chí khi thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì phải đăng, phát sóng lời cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí, của tác giả. Trong trường hợp có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan báo chí phải đăng, phát sóng kết luận đó.

2- Tổ chức, cá nhân có quyền phát biểu bằng văn bản về những nội dung đề cập trên báo chí khi có căn cứ cho rằng báo chí đã thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm đến mình. Cơ quan báo chí phải đăng, phát sóng lời phát biểu của tổ chức, cá nhân đối với thông tin đã được đăng, phát sóng trên báo chí của mình.

Lời phát biểu của tổ chức, cá nhân không được xúc phạm cơ quan báo chí, danh dự, nhân phẩm của tác giả.

Kể từ khi nhận được lời phát biểu của tổ chức, cá nhân thì trong thời hạn năm ngày đối với báo ngày, đài phát thanh, đài truyền hình, mười ngày đối với báo tuần, trong số ra gần nhất đối với tạp chí, cơ quan báo chí phải đăng, phát sóng lời phát biểu đó.

3- Lời cải chính, xin lỗi của cơ quan báo chí, của tác giả và lời phát biểu của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được đăng, phát sóng tương xứng với thông tin do báo chí đã đưa ra theo quy định của Chính phủ.

4- Trong trường hợp cơ quan báo chí không cải chính, xin lỗi hoặc cải chính, xin lỗi không đúng các quy định của Luật này, không đăng, phát sóng lời phát biểu của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân đó có quyền khiếu nại với cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí hoặc khởi kiện tại Tòa án".

5. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 12. Cơ quan chủ quản báo chí

Cơ quan chủ quản báo chí là tổ chức đứng tên xin cấp giấy phép hoạt động báo chí và trực tiếp quản lý cơ quan báo chí.

Cơ quan chủ quản báo chí có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Xác định, chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ và phạm vi phát hành chủ yếu, công suất, thời gian, tần số, phạm vi toả sóng, ngôn ngữ thể hiện của cơ quan báo chí được quy định trong giấy phép;

2- Chỉ đạo cơ quan báo chí thực hiện nhiệm vụ, phương hướng và kế hoạch hoạt động, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ báo chí;

3- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức người đứng đầu cơ quan báo chí trực thuộc sau khi trao đổi ý kiến với cơ quan quản lý nhà nước về báo chí;

4- Kiểm tra hoạt động của cơ quan báo chí;

5- Tạo điều kiện cần thiết cho cơ quan báo chí hoạt động;

6- Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với các sai phạm của cơ quan báo chí trực thuộc".

6. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của nhà báo

1- Nhà báo có những quyền sau đây:

a) Hoạt động báo chí trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ;

b) Khai thác và được cung cấp thông tin trong hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật;

c) Khước từ việc biên soạn hoặc tham gia biên soạn tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật về báo chí;

d) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ báo chí; hưởng một số chế độ ưu tiên cần thiết trong hoạt động báo chí theo quy định của Chính phủ;

đ) Được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp. Không ai được đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở nhà báo hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật.

2- Nhà báo có những nghĩa vụ sau đây:

a) Thông tin trung thực về tình hình trong nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân; phản ánh ý kiến, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, góp phần thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân;

b) Bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát hiện, bảo vệ nhân tố tích cực; đấu tranh phòng, chống các tư tưởng, hành vi sai phạm;

c) Thường xuyên học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức và nghiệp vụ báo chí; không được lạm dụng danh nghĩa nhà báo để sách nhiễu và làm việc vi phạm pháp luật;

d) Phải cải chính, xin lỗi trong trường hợp thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người đứng đầu cơ quan báo chí về nội dung tác phẩm báo chí của mình và về những hành vi vi phạm pháp luật về báo chí".

7. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 17. Nội dung quản lý nhà nước về báo chí

Nội dung quản lý nhà nước về báo chí bao gồm:

1- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp báo chí;

2- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về báo chí; xây dựng chế độ, chính sách về báo chí;

3- Tổ chức thông tin cho báo chí; quản lý thông tin của báo chí;

4- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ báo chí;

- 5- Tổ chức, quản lý hoạt động khoa học, công nghệ trong lĩnh vực báo chí;
- 6- Cấp, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí, thẻ nhà báo;
- 7- Quản lý hợp tác quốc tế về báo chí, quản lý hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam;
- 8- Kiểm tra báo chí lưu chiểu; quản lý kho lưu chiểu báo chí;
- 9- Tổ chức, chỉ đạo công tác khen thưởng trong hoạt động báo chí;
- 10- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách, qui hoạch, kế hoạch phát triển báo chí và việc chấp hành pháp luật về báo chí; thi hành các biện pháp ngăn chặn hoạt động báo chí trái pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong hoạt động báo chí".

8. Bổ sung Điều 17a:

"Điều 17a. Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí

- 1- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về báo chí.
 - 2- Bộ Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về báo chí.
 - 3- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về báo chí theo quy định của Chính phủ.
- Chính phủ quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin để thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về báo chí.
- 4- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước về báo chí trong phạm vi địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ".

9. Bổ sung Điều 17b:

"Điều 17b. Quan hệ quốc tế trong hoạt động báo chí

Nhà nước mở rộng quan hệ quốc tế trong hoạt động báo chí theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, bình đẳng và các bên cùng có lợi.

Chính phủ quy định cụ thể về quan hệ quốc tế trong hoạt động báo chí".

10. Bổ sung Điều 17c:

"Điều 17c. Tài chính của cơ quan báo chí

- 1- Nhà nước có chính sách hỗ trợ ngân sách và tạo điều kiện cho báo chí phát triển.

Cơ quan chủ quản báo chí có trách nhiệm bố trí các nguồn lực tài chính cần thiết cho cơ quan báo chí hoạt động.

Cơ quan báo chí được tiếp nhận và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các khoản tài trợ tự nguyện của các tổ chức và cá nhân theo quy định của Chính phủ.

- 2- Cơ quan báo chí được tổ chức hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của mình theo quy định của Chính phủ và các quy định khác

của pháp luật để tạo thêm nguồn thu đầu tư trở lại cho việc phát triển báo chí. Cơ quan báo chí phải thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các hoạt động kinh doanh, dịch vụ.

Cơ quan báo chí được hưởng các chế độ ưu đãi về thuế, ưu đãi về phí đối với hoạt động xuất bản, phát hành báo chí theo quy định của pháp luật.

3- Cơ quan báo chí phải thực hiện chế độ kế toán, thống kê, thanh tra, kiểm tra tài chính theo quy định của pháp luật."

11. Bổ sung Điều 17d:

"Điều 17d. Xuất bản, phát hành báo chí phục vụ một số đối tượng

Nhà nước có chính sách hỗ trợ ngân sách tạo điều kiện cho xuất bản, phát hành báo chí đến với nhân dân các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đến với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài".

12. Bổ sung Điều 17đ:

"Điều 17đ. Thanh tra báo chí

Thanh tra báo chí là thanh tra chuyên ngành về báo chí.

Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về báo chí do Chính phủ quy định".

13. Điều 19 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 19. Cấp giấy phép hoạt động báo chí

1- Việc cấp giấy phép hoạt động báo chí phải căn cứ vào các điều kiện quy định tại Điều 18 của Luật báo chí và phải phù hợp với quy hoạch phát triển báo chí.

Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép hoạt động báo chí.

Hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động báo chí do Bộ Văn hóa - Thông tin quy định.

2 - Cơ quan báo chí phải có giấy phép do cơ quan quản lý nhà nước về báo chí cấp mới được hoạt động. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì chậm nhất là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ xin phép hoạt động báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí phải trả lời bằng văn bản, nói rõ lý do. Tổ chức bị từ chối cấp giấy phép có quyền khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Tòa án".

14. Bổ sung Điều 19a:

"Điều 19a. Thành lập cơ quan đại diện, cơ quan thường trú của cơ quan báo chí

1- Cơ quan báo chí có nhu cầu thành lập cơ quan đại diện, cơ quan thường trú ở trong nước phải có đủ điều kiện về nhân sự, trụ sở và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cơ quan báo chí xin đặt cơ quan đại diện, cơ quan thường trú và phải thông báo cho Bộ Văn hóa - Thông tin biết.

2- Chính phủ quy định cụ thể việc đặt cơ quan đại diện, cơ quan thường trú của báo chí Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan đại diện, cơ quan thường trú của báo chí nước ngoài tại Việt Nam".

15. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 21. Thực hiện loại hình báo chí khác, xuất bản ấn phẩm báo chí khác, phát sóng chương trình đặc biệt, chương trình phụ

1- Cơ quan báo chí chỉ được thực hiện loại hình báo chí khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 18 của Luật báo chí và được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép.

2. Tổ chức muốn xuất bản đặc san hoặc cơ quan báo chí muốn xuất bản số phụ, phụ trương, đặc san, phát sóng chương trình đặc biệt, chương trình phụ thì phải được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép".

16. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 22. In báo chí, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình, đưa báo điện tử lên mạng thông tin máy tính

Cơ sở in có trách nhiệm thực hiện hợp đồng, bảo đảm thời gian phát hành của báo chí; không in báo chí không có giấy phép, không được in lại tác phẩm báo chí đã có lệnh cấm lưu hành của cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Cơ sở kỹ thuật phát sóng cho đài phát thanh, đài truyền hình có trách nhiệm bảo đảm phạm vi tỏa sóng quy định.

Đài phát thanh, đài truyền hình, cơ sở thực hiện chương trình nghe - nhìn thời sự không được phát nội dung tác phẩm báo chí đã có lệnh cấm lưu hành hoặc tịch thu.

Báo điện tử được thực hiện trên mạng thông tin máy tính theo quy định của Chính phủ".

17. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung:

"Điều 28. Xử lý vi phạm

1- Cơ quan báo chí vi phạm quy định về giấy phép hoạt động báo chí, về những điều không được thông tin trên báo chí quy định tại Điều 10 của Luật báo chí, về cải chính trên báo chí và các quy định khác của pháp luật về báo chí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị cảnh cáo, phạt tiền, thu hồi, tịch thu ấn phẩm, băng đĩa ghi âm, ghi hình, đình bản tạm thời hoặc thu hồi giấy phép theo quy định của pháp luật.

Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với các sai phạm của cơ quan báo chí trực thuộc.

Cơ quan báo chí, nhà báo, tổ chức, cá nhân thông tin gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật dân sự.

2- Người đứng đầu cơ quan báo chí, nhà báo, người hoạt động nghiệp vụ báo chí khác vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, thu hồi thẻ nhà báo, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3- Người nào vi phạm các quy định về cung cấp thông tin, trả lời trên báo chí, thành lập cơ quan báo chí, phát hành, quảng cáo, hợp báo, cản trở hoạt động báo chí, đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, phá hủy, làm hư hỏng phương tiện, tài liệu và các quy định khác của pháp luật về báo chí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự".

Điều 2

1. Trong Luật báo chí, cụm từ "Hội đồng Bộ trưởng" được thay bằng từ "Chính phủ", cụm từ "Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng" được thay bằng cụm từ "Thủ tướng Chính phủ".

2. Bỏ Điều 30 của Luật báo chí.

Chuyển Điều 31 của Luật báo chí thành Điều 30.

Điều 3

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 1999.

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật báo chí phù hợp với Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nông Đức Mạnh

CHÍNH PHỦ

Số : 51/2002/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí,
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Nhằm bảo đảm quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân, bảo hộ và tạo điều kiện cho cơ quan báo chí, nhà báo thực hiện quyền hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật;

Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động báo chí;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. "Báo chí" là tên gọi chung đối với các loại hình báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử.
2. "Báo in" là tên gọi loại hình báo chí được thực hiện bằng phương tiện in (báo, tạp chí, bản tin thời sự, bản tin thông tấn).
3. "Báo nói" là tên gọi loại hình báo chí thực hiện trên sóng phát thanh (chương trình phát thanh).

4. "Báo hình" là tên gọi loại hình báo chí thực hiện trên sóng truyền hình (chương trình truyền hình, chương trình nghe - nhìn thời sự được thực hiện bằng các phương tiện khác nhau).
5. "Báo điện tử" là tên gọi loại hình báo chí thực hiện trên mạng thông tin máy tính (Internet, Intranet).
6. "Bản tin thời sự" là ấn phẩm định kỳ đăng tin thời sự trong nước và thế giới của cơ quan thông tấn nhà nước.
7. "Bản tin thông tấn" là ấn phẩm định kỳ đăng tin có tính chuyên đề của cơ quan thông tấn nhà nước như văn hóa, thể thao, kinh tế.
8. "Số phụ" là ấn phẩm phụ định kỳ ngoài số báo chính gồm các loại : tuần, cuối tuần, tháng, cuối tháng.
9. "Phụ trương" là trang tăng thêm ngoài số trang quy định của báo và được phát hành cùng số báo chính.
10. "Đặc san" là ấn phẩm có tính chất báo chí xuất bản không định kỳ tập trung vào một sự kiện, một chủ đề.
11. "Chương trình phụ" là chương trình phát thanh, chương trình truyền hình định kỳ được thực hiện ngoài chương trình chính.
12. "Chương trình đặc biệt" là chương trình phát thanh, chương trình truyền hình không định kỳ, tập trung vào một sự kiện, một chủ đề.
13. "Họp báo" là hoạt động cung cấp thông tin của tổ chức hoặc cá nhân trước các đại diện cơ quan báo chí, nhà báo để công bố, tuyên bố, giải thích vấn đề có liên quan tới nhiệm vụ hoặc lợi ích của tổ chức, cá nhân đó.
14. "Lưu chiếu báo chí" là hoạt động xuất trình các sản phẩm báo chí của cơ quan báo chí cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lưu giữ và kiểm tra trước khi phát hành.
15. "Phát hành báo chí" là việc lưu hành các sản phẩm báo chí đến người sử dụng báo chí thông qua các phương tiện khác nhau.
16. "Quảng cáo trên báo chí" là hình thức thông báo, giới thiệu đến công chúng về hoạt động kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ thương mại và dịch vụ phi thương mại của tổ chức, cá nhân bằng các loại hình báo chí.
17. "Đăng, phát trên báo chí" là việc đưa thông tin trên báo chí.
18. "Tác phẩm báo chí" là tên gọi chung cho tất cả các thể loại tin, bài, ảnh ... đã được đăng, phát trên báo chí.

Chương II

QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ, QUYỀN TỰ DO NGÔN LUẬN TRÊN BÁO CHÍ CỦA CÔNG DÂN

Điều 2. Trách nhiệm của cơ quan báo chí

1. Các cơ quan báo chí thực hiện quyền tự do báo chí và có trách nhiệm bảo đảm quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí của công dân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Cơ quan báo chí có trách nhiệm tiếp nhận và đăng, phát kiến nghị, phê bình, tin, bài, ảnh và các tác phẩm báo chí khác của công dân có nội dung phù hợp với tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, định hướng thông tin và không vi phạm Điều 10 của Luật Báo chí và những quy định cụ thể trong Nghị định này. Trường hợp không đăng, phát thì trong thời hạn chậm nhất là ba mươi (30) ngày, cơ quan báo chí có trách nhiệm trả lời cho tác giả bằng văn bản hoặc đăng, phát trên báo chí bằng hình thức hộp thư, nhắn tin.

3. Kể từ khi nhận được văn bản trả lời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại, tố cáo, hoặc văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trả lời kiến nghị, phê bình đối với vấn đề mà báo chí nêu hoặc tiếp nhận thì cơ quan báo chí có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, công dân có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phê bình hoặc đăng, phát trên báo chí của mình trong thời hạn mười (10) ngày đối với báo ngày và đài phát thanh, đài truyền hình, mười lăm (15) ngày đối với báo tuần, trên số ra tiếp gần nhất đối với tạp chí.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức, người có chức vụ

Khi cơ quan nhà nước, tổ chức Đảng, tổ chức xã hội (gọi chung là tổ chức) và người có chức vụ nhận được ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại của tổ chức, công dân, tố cáo của công dân do cơ quan báo chí chuyển đến hoặc đăng, phát trên báo chí, trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày báo chí đăng, phát thì người đứng đầu tổ chức, người có chức vụ phải thông báo cho cơ quan báo chí kết quả hoặc biện pháp giải quyết.

Nếu quá thời hạn nêu trên mà không nhận được thông báo của người đứng đầu tổ chức, người có chức vụ thì cơ quan báo chí có quyền chuyển ý kiến, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của công dân đến cơ quan cấp cao hơn có thẩm quyền giải quyết hoặc đưa vấn đề đó lên báo chí.

Chương III

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÁO CHÍ

Điều 4. Cải chính trên báo chí

1. Khi có văn bản kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về nội dung thông tin trên báo chí sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì cơ quan báo chí phải đăng, phát nguyên văn bản kết luận đó cùng với lời xin lỗi của cơ quan báo chí, của tác giả. Cơ quan báo chí phải đăng, phát văn bản kết luận vào đúng vị trí với cùng một kiểu, cỡ chữ (đối với báo in, báo điện tử), đúng chuyên mục đã phát sóng (đối với báo nói, báo hình) mà báo chí đã đăng, phát thông tin trên.

Thời điểm đăng, phát được tính từ ngày cơ quan báo chí nhận được văn bản kết luận như sau : năm (5) ngày đối với báo ngày, đài phát thanh, đài truyền hình; mười (10) ngày đối với báo tuần và trong số ra gần nhất đối với tạp chí. Đối với tạp chí xuất bản trên ba mươi (30) ngày/kỳ thì ngoài việc phải đăng trên tạp chí đó trong số ra gần nhất, còn phải thông qua một tờ báo hàng ngày hoặc đài phát thanh, đài truyền hình có phạm vi phát hành, phủ sóng tương đương với phạm vi phát hành của tạp chí mình để đăng, phát kết luận đó và phải chịu toàn bộ phí tổn về việc cải chính.

2. Trường hợp cơ quan báo chí, tác giả tự phát hiện nội dung thông tin trên báo chí, tác phẩm của mình có nội dung sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân thì phải cải chính, xin lỗi trên báo chí của mình đồng thời phải gửi văn bản cải chính, xin lỗi đến tổ chức, cá nhân đó.

Thê thức cải chính, xin lỗi trên báo chí như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan báo chí nhận được lời phát biểu bằng văn bản của tổ chức, cá nhân về những nội dung đề cập trên báo chí của mình khi có căn cứ cho rằng báo chí đã thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm đến họ thì phải đăng, phát lời phát biểu đó đúng vị trí, chuyên mục mà báo chí đã đăng, phát thông tin. Lời phát biểu không được vượt quá diện tích, thời lượng đã đăng, phát nội dung thông tin nói trên.

Trường hợp không nhất trí với lời phát biểu của tổ chức, cá nhân, cơ quan báo chí có quyền thông tin tiếp làm rõ quan điểm của mình. Sau ba (3) lần đăng, phát ý kiến phát biểu của tổ chức, cá nhân và cơ quan báo chí mà không có sự nhất trí giữa hai bên thì cơ quan quản lý nhà nước về báo chí có quyền yêu cầu ngừng đăng, phát các thông tin của đương sự. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại đến cơ quan chủ quản của báo chí đó, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Thê thức, thời gian đăng, phát lời phát biểu của tổ chức, cá nhân như quy định tại khoản 1 Điều này.

Cơ quan báo chí có quyền không đăng, phát lời phát biểu của tổ chức, cá nhân nếu lời phát biểu của tổ chức, cá nhân đó vi phạm pháp luật, xúc phạm đến uy tín, danh dự của cơ quan báo chí, tác giả. Trong trường hợp đó cơ quan báo chí phải gửi văn bản báo cho tổ chức, cá nhân biết, nói rõ lý do, đồng thời phải gửi báo cáo bằng văn bản tới cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Điều 5. Những điều không được thông tin trên báo chí

Quy định cụ thể các khoản mà Điều 10 Luật Báo chí đã nêu, như sau :

1. Không được đăng, phát những tác phẩm báo chí, nghệ thuật, văn học, tài liệu trái pháp luật, có nội dung chống đối Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phá hoại khối đoàn kết toàn dân.

2. Không được miêu tả tỉ mỉ những hành động dâm ô, chém giết rùng rợn trong các tin, bài, hình ảnh về các vụ án và hành động tội ác. Không được đăng, phát tin, bài, hình ảnh, tranh, ảnh khỏa thân và có tính chất kích dâm, thiếu thẩm mỹ, không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

3. Không được đăng, phát ảnh của cá nhân mà không có chú thích rõ ràng hoặc làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cá nhân đó (trừ ảnh thông tin các buổi họp công khai, sinh hoạt tập thể, các buổi lao động, biểu diễn nghệ thuật, thể dục thể thao, những người có lệnh truy nã, các cuộc xét xử công khai của Tòa án, những người phạm tội trong các vụ trọng án đã bị tuyên án).

4. Không được đăng, phát tin bài ảnh hưởng xấu đến đời tư, công bố tài liệu, thư riêng của cá nhân khi chưa được sự đồng ý của người viết thư, người nhận thư hoặc người chủ sở hữu hợp pháp tài liệu, bức thư đó. Đối với tài liệu, thư riêng của cá nhân có liên quan đến các vụ tiêu cực, vi phạm pháp luật thì cơ quan báo chí thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Không được đăng, phát tin, bài truyền bá hủ tục, mê tín, dị đoan. Đối với loại thông tin về những vấn đề khoa học mới chưa được kết luận, những chuyện thần bí thì cần có chú dẫn xuất xứ tài liệu (nguồn gốc tác phẩm, nơi công bố, thời gian).

6. Việc sử dụng các văn kiện của các cơ quan Đảng và Nhà nước, tài liệu của các tổ chức phải theo đúng những quy định trong Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000.

Đối với văn kiện, tài liệu của tổ chức, tài liệu, thư riêng của cá nhân có liên quan đến các vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử, cơ quan báo chí có quyền khai thác theo nguồn tin của mình và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin đó.

Chương IV **TỔ CHỨC BÁO CHÍ VÀ NHÀ BÁO**

Điều 6. Cơ quan chủ quản báo chí

1. Căn cứ vào Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí và quy hoạch phát triển báo chí của Chính phủ, các tổ chức quy định tại Điều 1 Luật Báo chí có quyền đứng tên xin thành lập cơ quan báo chí và là cơ quan chủ quản báo chí sau khi được cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí cấp giấy phép thành lập cơ quan báo chí.

2. Người đứng đầu cơ quan chủ quản báo chí chỉ đạo, theo dõi hoạt động của cơ quan báo chí, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với các sai phạm của cơ quan báo chí trực thuộc.

3. Cơ quan chủ quản báo chí bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng biên tập, Phó Tổng biên tập (báo in, báo điện tử), Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc (đài phát thanh, đài truyền hình, cơ sở nghe - nhìn thời sự) sau khi có sự thống nhất ý kiến bằng văn bản của Bộ Văn hóa - Thông tin.

Người đứng đầu cơ quan chủ quản báo chí, người được cử thay mặt cơ quan chủ quản theo dõi, chỉ đạo cơ quan báo chí không được kiêm nhiệm chức vụ người đứng đầu cơ quan báo chí.

4. Cơ quan chủ quản báo chí quy định chế độ kiểm tra hoạt động của cơ quan báo chí, định kỳ báo cáo về hoạt động của cơ quan báo chí với Bộ Văn hóa - Thông tin.

5. Cơ quan chủ quản báo chí có trách nhiệm cấp kinh phí ban đầu, trụ sở, đầu tư trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ, trợ giá cho cơ quan báo chí trong trường hợp báo chí do thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền phải bán dưới giá thành, hoặc được cấp kinh phí hoạt động (đối với đài phát thanh, đài truyền hình).

Điều 7. Quyền hạn của cơ quan báo chí

1. Được cơ quan chủ quản báo chí cấp vốn, kinh phí hoạt động, trợ giá, bù lỗ. Ngoài các chế độ ưu đãi về thuế, ưu đãi về phí đối với hoạt động xuất bản, phát hành báo chí, các cơ quan báo chí của các tổ chức chính trị, báo chí phục vụ thiếu nhi, phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo, đồng bào các dân tộc thiểu số, báo chí đối ngoại và khoa học kỹ thuật được Nhà nước xem xét để tài trợ hàng năm.

2. Được tổ chức hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực in ấn, chế bản, phát hành sách báo, quảng cáo, quay phim, nhiếp ảnh và kinh doanh các thiết bị, vật tư liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ báo chí để tạo nguồn thu đầu tư trở lại cho sự nghiệp phát triển báo chí.

Cơ quan báo chí có nhu cầu mở rộng lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ ở các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan báo chí thì phải được sự đồng ý của cơ quan chủ quản và báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về báo chí để biết.

Hoạt động kinh doanh, dịch vụ phải đăng ký kinh doanh tách biệt với hoạt động nghiệp vụ của cơ quan báo chí và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, dịch vụ mà cơ quan báo chí kinh doanh.

3. Được nhận và sử dụng các khoản tài trợ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước vào các hoạt động phù hợp quy định của luật pháp.

Cơ quan chủ quản báo chí có trách nhiệm hướng dẫn việc tiếp nhận sử dụng các khoản tài trợ tự nguyện theo đúng quy định của Nhà nước.

Người đứng đầu cơ quan báo chí chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản báo chí và trước pháp luật về việc quản lý và sử dụng các khoản tài trợ.

Điều 8. Quyền hạn của nhà báo

1. Được đến các cơ quan, tổ chức, thư viện, bảo tàng, triển lãm để thu thập thông tin, tra cứu tài liệu, làm nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan nhà nước không được từ chối cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi quy định trong Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Được thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các đại hội và hội nghị công khai, các cuộc mít tinh, đón tiếp khách của Đảng, Nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác theo giấy mời và các quy định cụ thể của Ban Tổ chức các hoạt động đó.

3. Được hoạt động nghiệp vụ lấy tin, chụp ảnh, quay phim, ghi âm tại các phiên tòa xét xử công khai, được dành chỗ ngồi riêng, được liên lạc trực tiếp với các thẩm phán, luật sư để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật.

4. Được ưu tiên trong việc mua vé tàu, vé xe, vé máy bay, chuyển nhanh điện tín, bài báo và ảnh, băng, đĩa ghi âm, ghi hình, các loại ấn phẩm báo chí khi hoạt động nghiệp vụ.

5. Được ưu tiên, tạo điều kiện đi lại thuận lợi trong trường hợp giao thông bị ách tắc, khó khăn và được hưởng chế độ miễn phí đối với phương tiện giao thông của cơ quan báo chí và nhà báo khi phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ báo chí.

Chương V QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BÁO CHÍ

Điều 9. Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí ở Trung ương

1. Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về báo chí, có nhiệm vụ và quyền hạn sau :

a) Lập và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp báo chí (bao gồm báo in, báo điện tử, thông tấn, phát thanh, truyền hình); kế hoạch đầu tư, ngân sách, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí. Tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thông tin đại chúng;

b) Soạn thảo dự án luật, văn bản dưới luật, chính sách, chế độ về báo chí, hướng dẫn thi hành các chủ trương, chính sách về báo chí, chính sách về đầu tư, tài trợ cho báo chí, chính sách, chế độ đối với cơ quan báo chí và nhà báo;

c) Cấp và thu hồi giấy phép hoạt động báo chí theo quy định tại Điều 19 Luật Báo chí; cấp giấy phép xuất bản đặc san, số phụ, phụ trương, chương trình đặc biệt, chương trình phụ theo quy định tại Điều 21 Luật Báo chí;

d) Cấp và kiểm tra việc sử dụng thẻ nhà báo; thu hồi thẻ nhà báo;

đ) Kiểm tra báo lưu chiểu, quản lý kho lưu chiểu báo chí quốc gia;

e) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân, cơ quan báo chí và nhà báo có thành tích. Thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp kiểm tra thực hiện Luật Báo chí và xử lý vi phạm các quy định về báo chí;

g) Tổ chức thông tin cho báo chí theo các quy định của Luật Báo chí;

h) Quản lý hoạt động của báo chí và nhà báo trong cả nước, phối hợp với các cơ quan hữu quan quản lý hoạt động của báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí của người nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam;

i) Ký kết các điều ước quốc tế trong lĩnh vực báo chí;

k) Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý báo chí thuộc các lĩnh vực theo sự phân công của Chính phủ.

Cục Báo chí là cơ quan giúp Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí trong cả nước.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện quản lý nhà nước về báo chí bao gồm các nội dung :

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản báo chí đối với các cơ quan báo chí trực thuộc;

b) Xây dựng quy hoạch hệ thống báo chí trực thuộc;

c) Trực tiếp chỉ đạo, quản lý các cơ quan báo chí trực thuộc;

d) Có trách nhiệm giải quyết các vướng mắc, khiếu nại liên quan đến cơ quan báo chí trực thuộc.

Điều 10. Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí ở địa phương

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan quản lý nhà nước về báo chí ở địa phương, có nhiệm vụ và quyền hạn sau :

1. Xây dựng dự án quy hoạch phát triển báo chí địa phương theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa - Thông tin.

2. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ về báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương. Thực hiện quản lý nhà nước đối với báo chí Trung ương và báo chí địa phương khác hoạt động tại địa phương mình theo ủy quyền của Bộ Văn hóa - Thông tin.

3. Tổ chức thanh tra, hoặc phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các hoạt động báo chí, việc nhập khẩu và lưu hành báo chí nước ngoài tại địa phương mình theo quy định của pháp luật.

Sở Văn hóa - Thông tin giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí.

Điều 11. Thanh tra về báo chí

1. Thanh tra chuyên ngành Văn hóa - Thông tin thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về báo chí.

2. Nội dung hoạt động thanh tra :

- a) Thanh tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động báo chí;
- b) Hướng dẫn giải quyết khiếu nại về hoạt động báo chí;
- c) Kiến nghị các biện pháp bảo đảm việc thi hành pháp luật về hoạt động báo chí và hoàn thiện pháp luật, chính sách báo chí.

3. Đối tượng thanh tra là hoạt động báo chí của các tổ chức, cơ quan báo chí, nhà báo và cá nhân.

4. Quyền hạn của thanh tra :

a) Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền khen thưởng các cơ quan báo chí, nhà báo, tổ chức và công dân có thành tích trong hoạt động báo chí;

b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp vượt quá thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật, thu hồi thẻ nhà báo, thu hồi giấy phép hoạt động báo chí;

c) Yêu cầu các đương sự và các bên liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ và trả lời những vấn đề cần thiết có liên quan trực tiếp đến việc thanh tra;

d) Trong quá trình thanh tra phát hiện có dấu hiệu tội phạm chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra có thẩm quyền;

đ) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều kiện được cấp phép hoạt động báo chí

1. Có người đứng đầu cơ quan báo chí, các chức danh chủ yếu, có đội ngũ phóng viên, biên tập viên, bảo đảm cho hoạt động của cơ quan báo chí.

Người đứng đầu cơ quan báo chí, các chức danh chủ yếu, phóng viên, biên tập viên của cơ quan báo chí phải có đủ các tiêu chuẩn theo quy định về người làm báo chí.

Người đứng đầu cơ quan báo chí chỉ được đảm nhiệm chức vụ này ở một cơ quan báo chí.

2. Xác định rõ tên cơ quan báo chí, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, ngôn ngữ thể hiện đối với mọi loại hình báo chí; phạm vi phát hành chủ yếu, kỳ hạn xuất bản, khuôn khổ, số trang, số lượng, nơi in đối với báo in, báo điện tử; công suất, thời gian, tần số, phạm vi tỏa sóng, nơi phát sóng đối với báo nói, báo hình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chủ quản.

3. Phù hợp với quy hoạch phát triển báo chí.

4. Có trụ sở chính thức, có cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết bảo đảm cho hoạt động của cơ quan báo chí.

5. Đối với đài phát thanh, đài truyền hình, ngoài các điều kiện trên, việc sử dụng máy phát (công suất, thời gian, phạm vi tỏa sóng), tần số vô tuyến điện phải có giấy phép do cơ quan quản lý nhà nước về tần số cấp.

6. Đối với tổ chức đứng tên xin phép thành lập cơ quan báo chí ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, phải có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chứng nhận có đủ điều kiện để hoạt động báo chí và việc xin phép hoạt động báo chí đó phù hợp với quy hoạch phát triển báo chí của địa phương.

Điều 13. Cấp giấy phép hoạt động báo chí

1. Bộ Văn hóa - Thông tin là cơ quan cấp giấy phép hoạt động báo chí, chịu trách nhiệm kiểm tra đầy đủ các điều kiện của tổ chức xin phép hoạt động báo chí trước khi cấp giấy phép.

2. Cơ quan báo chí muốn xuất bản các ấn phẩm, phát sóng các chương trình không nằm trong quy định của giấy phép hoạt động báo chí đã cấp, phải xin phép Bộ Văn hóa - Thông tin.

3. Tổ chức không có cơ quan báo chí, muốn xuất bản đặc san phải được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp phép.

4. Hồ sơ xin phép hoạt động báo chí và xuất bản đặc san theo quy định và mẫu thống nhất của Bộ Văn hóa - Thông tin.

Bộ Văn hóa - Thông tin quy định mẫu hồ sơ, giấy phép, quy chế và hướng dẫn thủ tục xin, cấp giấy phép.

5. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin phép hoạt động báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí phải trả lời bằng văn bản, nói rõ lý do. Tổ chức bị từ chối cấp giấy phép có quyền khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Toà án.

Điều 14. Hiệu lực của giấy phép

1. Sau khi nhận được giấy phép hoạt động báo chí, cơ quan báo chí mới được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, hợp đồng in, đưa lên mạng thông tin máy tính, phát sóng thử nghiệm.

2. Sau chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, nếu cơ quan báo chí không hoạt động thì giấy phép không còn giá trị. Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm thu lại giấy phép. Nếu muốn tiếp tục hoạt động thì phải làm thủ tục xin phép lại.

3. Cơ quan báo chí tạm ngừng hoạt động hoặc thôi không hoạt động nữa, phải báo trước mười (10) ngày bằng văn bản cho Bộ Văn hóa - Thông tin; phải tự thông báo trên báo chí của mình. Trường hợp không hoạt động nữa thì giấy phép bị thu hồi.

4. Thay đổi một trong những điều sau đây phải xin phép Bộ Văn hóa - Thông tin :

a) Tên báo chí;

b) Tôn chỉ, mục đích, kỳ hạn xuất bản, đối tượng phục vụ, phạm vi phát hành chủ yếu, phạm vi tòa soạn, ngôn ngữ thể hiện.

5. Thay đổi một trong những điều sau đây phải xin phép cơ quan quản lý nhà nước về tần số :

a) Loại máy phát, công suất, thời gian, phạm vi tỏa sóng, nơi phát sóng, đặc điểm kỹ thuật của ăng-ten phát;

b) Tần số hoặc kênh tần số vô tuyến điện.

6. Thay đổi cách trình bày tên báo, khuôn khổ, số trang, nơi in, thay đổi thời gian phát hành, thời gian, thời lượng phát sóng, nơi phát sóng, trụ sở chính, phải báo cáo bằng văn bản và phải được Bộ Văn hóa - Thông tin đồng ý bằng văn bản.

Điều 15. Các nội dung phải ghi trên trang một, bìa một, trang trong của báo và tạp chí

1. Trang một của báo, bìa một của tạp chí :

a) Tên báo chí;

b) Tên cơ quan chủ quản (in dưới tên báo chí);

c) Số thứ tự của kỳ phát hành báo chí;

d) Ngày, tháng, năm phát hành.

2. Trang trong của báo, tạp chí :

a) Số giấy phép, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép;

b) Địa chỉ của cơ quan báo chí, số điện thoại, telex, fax;

c) Họ, tên Tổng biên tập;

d) Nơi in, khuôn khổ, số trang;

đ) Kỳ hạn xuất bản;

e) Giá bán.

Điều 16. Lưu chiểu báo chí

1. Đối tượng :

a) Báo chí xuất bản, lưu hành trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải nộp lưu chiểu trước khi phát hành;

b) Báo chí nộp lưu chiểu phải ghi rõ : báo chí nộp lưu chiểu, số lượng phát hành, ngày, giờ nộp lưu chiểu, chữ ký của Tổng biên tập hoặc người được ủy quyền.

2. Thời gian nộp báo chí lưu chiểu :

a) Báo in xuất bản hàng ngày phải nộp lưu chiểu trước tám (8) giờ sáng hàng ngày.

b) Báo in không ra hàng ngày nộp lưu chiểu trước khi phát hành sáu (6) tiếng đồng hồ.

c) Báo chí nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập để phát hành rộng rãi phải nộp lưu chiểu trước khi phát hành mười hai (12) tiếng đồng hồ.

3. Địa điểm và số lượng báo chí nộp lưu chiểu :

a) Báo chí lưu chiểu nộp cho :

- Bộ Văn hóa - Thông tin (Cục Báo chí) : sáu (6) bản (báo chí nước ngoài nhập để phát hành rộng rãi chỉ nộp hai (2) bản).

- Sở Văn hóa - Thông tin địa phương nơi báo chí xuất bản : một (1) bản.

- Thư viện quốc gia : theo thẻ lệ lưu chiểu văn hóa phẩm;

b) Báo chí không xuất bản ở Hà Nội, nộp lưu chiểu cho Bộ Văn hóa - Thông tin qua Bưu điện cùng một lúc nộp lưu chiểu cho Sở Văn hóa - Thông tin địa phương, tính thời gian nộp lưu chiểu theo dấu tem Bưu điện;

c) Báo chí được phép in lại, phải nộp lưu chiểu như lần thứ nhất.

4. Báo chí nộp lưu chiểu qua bưu điện phải đăng ký với cơ quan bưu điện nơi báo chí xuất bản. Báo chí lưu chiểu được chuyển nhanh nhất và đầy đủ đến cơ quan nhận lưu chiểu.

5. Chương trình phát thanh, truyền hình đã phát sóng, báo điện tử đã phát trên mạng phải lưu giữ văn bản tại cơ quan báo chí ít nhất sáu (6) tháng, lưu giữ các phim, băng, đĩa ghi âm, ghi hình đã phát trên sóng, trên mạng ít nhất ba mươi (30) ngày.

Điều 17. Phát hành báo chí

1. Cơ quan báo chí thực hiện phát hành báo chí theo đúng quy định ghi trong giấy phép hoạt động báo chí.

2. Ngành bưu chính viễn thông có trách nhiệm phát hành báo chí xuất bản trong nước và báo chí nước ngoài nhập vào Việt Nam trên cơ sở hợp đồng với cơ quan báo chí và cơ quan được phép xuất nhập khẩu báo chí đúng với quy định ghi trong giấy phép.

Tổ chức, cá nhân trong nước có nhu cầu đặt mua báo chí qua hệ thống phát hành của ngành bưu chính viễn thông thì ngành bưu chính viễn thông ký kết hợp đồng với cơ quan báo chí để đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân. Cước phí vận chuyển đến từng vùng theo khung cước phí phát hành do Chính phủ quy định.

Cơ quan báo chí tự phát hành một phần hoặc toàn bộ chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp mạng lưới phát hành của mình hoạt động đúng pháp luật.

Các tổ chức, cá nhân tham gia phát hành báo chí phải thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về phát hành báo chí.

Trường hợp có lệnh thu hồi của Bộ Văn hóa - Thông tin, thì các cơ quan báo chí, các tổ chức, cá nhân tham gia phát hành báo chí, cơ quan được phép xuất nhập khẩu báo chí, Sở Văn hóa - Thông tin và Sở Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện. Cơ quan báo chí hoặc cơ quan được phép xuất nhập khẩu báo chí phải chịu chi phí cho việc thu hồi những ấn phẩm của mình.

3. Bộ Văn hóa - Thông tin cùng cơ quan quản lý nhà nước về bưu chính quy định cụ thể về phát hành báo chí in. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quy định mức khung cước phí phát hành cho từng khu vực trong cả nước nhằm phát hành báo chí đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin quy định cụ thể về quản lý nội dung thông tin thu, phát trực tiếp qua vệ tinh, qua mạng máy tính và thông tin phát lại của đài phát thanh, đài truyền hình, cơ sở Internet, Intranet của các tổ chức Việt Nam, tổ chức nước ngoài cư trú tại Việt Nam.

5. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài được nhận ủy thác của cơ quan báo chí, cơ sở phát hành báo chí để phát hành báo chí Việt Nam ra nước ngoài.

6. Báo chí xuất bản ở nước ngoài phát hành vào Việt Nam phải được phép của Bộ Văn hóa - Thông tin.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu báo chí phi mậu dịch phải được Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép.

Điều 18. Quảng cáo trên báo chí

Báo chí được đăng, phát quảng cáo. Việc đăng, phát quảng cáo trên báo chí phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 19. Hợp báo

1. Tổ chức, công dân muốn hợp báo phải báo trước bằng văn bản chậm nhất là hai mươi tư (24) tiếng đồng hồ trước khi hợp báo cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí:

a) Tổ chức ở Trung ương thông báo cho Bộ Văn hóa - Thông tin (Cục Báo chí);

b) Tổ chức, công dân ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Sở Văn hóa - Thông tin);

Nội dung hợp báo phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục đích của tổ chức đó.

2. Việc hợp báo chỉ được tổ chức khi cơ quan quản lý nhà nước về báo chí đồng ý bằng văn bản trong thời hạn chậm nhất là sáu (6) tiếng đồng hồ trước khi hợp báo.

3. Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền không chấp nhận hoặc đình chỉ cuộc hợp báo nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc nội dung hợp báo vi phạm Điều 10 Luật Báo chí, Điều 5 Nghị định này.

4. Cơ quan, tổ chức, đoàn đại biểu, cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam muốn hợp báo phải tuân theo các quy định về hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Khen thưởng

1. Cơ quan báo chí, nhà báo, tổ chức và công dân có thành tích và cống hiến vào hoạt động báo chí thì được khen thưởng theo các quy định về khen thưởng của Nhà nước.

2. Chính phủ hỗ trợ ngân sách để trao tặng giải thưởng báo chí hàng năm cho các tác phẩm báo chí xuất sắc.

Điều 21. Xử lý vi phạm

Cơ quan báo chí; cơ quan chủ quản báo chí; người đứng đầu cơ quan báo chí, nhà báo, người hoạt động nghiệp vụ báo chí; tổ chức, cá nhân khác có các hành vi vi phạm pháp luật về báo chí, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Việc xử phạt hành chính phải tuân theo các quy định tại Nghị định số 31/2001/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin.

Điều 22. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Bộ Văn hóa - Thông tin có thẩm quyền xử lý các vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí của tổ chức, cá nhân trong cả nước.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền xử lý các vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí của tổ chức, cá nhân ở địa phương.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý không thỏa đáng thì Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định hình thức xử lý thích hợp.

3. Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định việc thu hồi, tịch thu ấn phẩm, băng đĩa ghi âm, ghi hình; đình bản tạm thời hoặc thu hồi giấy phép hoạt động báo chí; thu hồi thẻ nhà báo.

Trong trường hợp khẩn cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền ra lệnh tạm thời và phải báo cáo ngay cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin xem xét và ra quyết định chính thức.

4. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 31/2001/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24.

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Nghị định số 133/HĐBT ngày 20 tháng 4 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989.

2. Những quy định trước đây trái với quy định của Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 25. Hoạt động báo chí Việt Nam liên quan đến nước ngoài và hoạt động báo chí nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 26. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 27. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

đã ký

Phan Văn Khải

Nơi nhận :

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ,
cơ quan thuộc Chính phủ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Toà án nhân dân tối cao,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục, các đơn
vị trực thuộc,
- Lưu : VX (5b), VT.